

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG**

---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN
VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH S.P.B
ENGINEERING VIỆT NAM**

SINH VIÊN THỰC HIỆN : LÃ THỊ MAI

MÃ SINH VIÊN : A17121

CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN

HÀ NỘI-2014

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG**

---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN
VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH S.P.B
ENGINEERING VIỆT NAM**

Giáo viên hướng dẫn	: Th.s Vũ Thị Kim Lan
Sinh viên thực hiện	: Lã Thị Mai
Mã sinh viên	: A17121
Chuyên ngành	: Kế toán

HÀ NỘI-2014

Thang Long University Library

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này, lời đầu tiên em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất tới cô giáo hướng dẫn: Thạc sĩ Vũ Thị Kim Lan đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

Em xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô giáo trong khoa Kinh tế - Quản lý, các thầy cô giáo trong trường Đại học Thăng Long đã trang bị cho em những kiến thức và kinh nghiệm quý giá trong quá trình học tập tại trường.

Em cũng xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo phòng Tài chính - kế toán, cán bộ công nhân viên Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam đã cung cấp tài liệu và tạo mọi điều kiện thuận lợi để em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng do thời gian có hạn, trình độ, kỹ năng của bản thân còn nhiều hạn chế nên chắc chắn đề tài khoá luận tốt nghiệp này của em không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Em rất mong được sự đóng góp chỉ bảo, bổ sung thêm của thầy cô và các bạn.

Kính chúc thầy cô và toàn thể nhân viên trong Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam luôn dồi dào sức khoẻ và thành công trong công việc.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 06 năm 2014

Sinh viên

Mai

Lã Thi Mai

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này!

Sinh viên

Mai

Lã Thị Mai

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	1
1.1. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.....	1
1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất	1
1.2.1. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu	1
1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	2
1.3. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.....	2
1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu.....	3
1.3.2. Tính giá nguyên vật liệu.....	4
1.3.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho.....	4
1.3.2.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho.....	5
1.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	8
1.4.1. Chứng từ sử dụng	8
1.4.2. Thủ tục nhập - xuất kho nguyên vật liệu	9
1.4.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu	9
1.4.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu	9
1.4.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	10
1.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	12
1.5.1. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên	12
1.5.1.1. Đặc điểm.....	12
1.5.1.2. Tài khoản sử dụng	12
1.5.1.3. Phương pháp kế toán	14
1.5.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	15
1.5.2.1. Đặc điểm.....	15
1.5.2.2. Tài khoản sử dụng	15
1.5.2.3. Phương pháp kế toán	16
1.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16
1.6.1. Đặc điểm	16
1.6.2. Tài khoản sử dụng	17

1.6.3. Phương pháp kế toán.....	17
1.7. Hệ thống sổ kế toán sử dụng trong công tác kế toán nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán	18
1.7.1. Hình thức nhật ký sổ cái	18
1.7.2. Hình thức Nhật ký chung.....	19
1.7.3. Hình thức Nhật ký chứng từ.....	20
1.7.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.	20
1.7.5. Hình thức trên máy tính.....	22
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH S.P.B ENGINEERING VIỆT NAM.....	23
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.....	23
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam	23
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam	24
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam	25
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam	27
2.1.5. Đặc điểm của tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam	29
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.....	30
2.2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu.....	30
2.2.1.1. Đặc điểm của nguyên vật liệu.....	30
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.....	31
2.2.2. Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty.....	31
2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty.....	32
2.2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam	36
2.2.4.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu	36
2.2.4.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu	45
2.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Engineering Việt Nam.....	49

2.2.5.1. Tài khoản sử dụng	49
2.2.5.2. Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu	49
2.2.5.3. Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu	51
2.2.6. Kiểm kê và lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tại Công ty.....	52
2.2.6.1. Kiểm kê nguyên vật liệu	52
2.2.6.2. Lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tại Công ty	54
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH S.P.B ENGINEERING VIỆT NAM	59
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam	59
3.1.1. Ưu điểm	59
3.1.2. Những tồn tại	61
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Engineering Việt Nam.	62

DANH MỤC VIẾT TẮT

BHYT	Bảo hiểm y tế
BHXH	Bảo hiểm xã hội
PX	Phân xưởng
NVL	Nguyên vật liệu
TSCĐ	Tài sản cố định
GTGT	Giá trị gia tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TM	Thương Mại
QĐ	Quyết định
BTC	Bộ tài chính
PP KKĐK	Phương pháp kiểm kê định kỳ
PP KKTX	Phương pháp kê khai thường xuyên

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ, CÔNG THỨC

Bảng 1.1: Thẻ kho.....	10
Bảng 1.2: Sổ chi tiết nguyên vật liệu.....	11
Bảng 2.1: Phần mềm kế toán trên excel	30
Bảng 2.2: Các nghiệp vụ nhập- xuất- tồn tồn tháng 9.....	34
Bảng 2.3: Bảng tính đơn giá nhập- xuất- tồn tồn trong tháng 9	35
Bảng 2.4: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá	37
Bảng 2.5: Hoá đơn GTGT mua nguyên vật liệu	38
Bảng 2.6: Hoá đơn GTGT chi phí vận chuyển NVL	39
Bảng 2.7: Phiếu nhập kho	40
Bảng 2.8: Phiếu chi	41
Bảng 2.9: Phiếu sản xuất.....	43
Bảng 2.10: Giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu	43
Bảng 2.11: Phiếu xuất kho.....	44
Bảng 2.12: Thẻ kho.....	46
Bảng 2.13: sổ chi tiết kế toán nguyên vật liệu.....	47
Bảng 2.14: Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu	48
Bảng 2.15: Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá sản phẩm	53
Bảng 3.1: Sổ danh điểm nguyên vật liệu.....	64
Bảng 3.2: Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá sản phẩm	67
Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song	11
Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	16
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký sổ cái.....	18
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	19
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ	20
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	21
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức trên máy tính	22
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty TNHH S.B.P Engineering Việt Nam.....	25
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.....	27

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung của Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.....	29
Sơ đồ 2.4: Quy trình nhập kho nguyên vật liệu.....	36
Sơ đồ 2.5: Quy trình xuất kho nguyên vật liệu	42

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra sôi động như hiện nay, muốn thích ứng và đứng vững được yêu cầu đề ra cho các doanh nghiệp là phải vận động hết mình, sáng tạo trong công tác quản lý, tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Kế toán giữ vai trò tích cực trong việc quản lý tài sản và điều hành mọi hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mọi sản phẩm vật chất đều được cấu thành từ nguyên vật liệu, nó là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất. Trong quá trình sản xuất nói chung đều có mục tiêu là làm thế nào để tiết kiệm chi phí, thu lại lợi nhuận cao nhất.

Để thực hiện mục tiêu trên đòi hỏi công tác kế toán nguyên vật liệu phải chặt chẽ, khoa học. Đây là công việc quan trọng để quản lý, dự trữ, cung cấp kịp thời nguyên vật liệu cần thiết cho sản phẩm, nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư. Điều này giúp cho các doanh nghiệp có cơ sở tồn tại và phát triển, đạt mục tiêu lợi nhuận tối đa.

Nhận thức được điều này, sau thời gian ngắn tìm hiểu thực tập về công tác kế toán ở Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam em chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam”.

Nội dung đề tài gồm có ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.

Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất và thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam để đưa ra các đánh giá khái quát thực trạng. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam dưới góc độ kế toán tài chính trong tháng 09 năm 2013.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất

Nguyên vật liệu (NVL) là đối tượng lao động và là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất. NVL khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không giữ nguyên được hình thái ban đầu, mà chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định. Giá trị NVL được dịch chuyển toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới tạo ra hoặc vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Dưới hình thái hiện vật nó biểu hiện là một bộ phận quan trọng của tài sản lưu động, còn dưới hình thái giá trị nó biểu hiện thành vốn lưu động.

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là đối tượng lao động. NVL là những đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hoá như: thủy tinh, đồng, tôn trong doanh nghiệp sản xuất bóng điện, ổ điện, sợi trong doanh nghiệp dệt, da trong doanh nghiệp đóng giày, vải trong doanh nghiệp may mặc, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, cát đá xi măng trong doanh nghiệp chế tạo bê tông đúc sẵn...

Khác với tư liệu lao động, NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của lao động, chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm.

Những đặc điểm trên là xuất phát điểm quan trọng trong công tác kế toán NVL từ khâu tính giá, kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp.

1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.2.1. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Vấn đề sử dụng nguyên vật liệu hợp lý luôn là một vấn đề quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, vì vậy công tác quản lý nguyên vật liệu nhằm tối thiểu hóa chi phí, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp mà vẫn đạt được những yêu cầu về chất lượng luôn luôn là vấn đề quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do đó để đảm bảo công tác hạch toán được chính xác đòi hỏi chúng ta phải quản lý tốt và chặt chẽ từ mọi khâu: Từ khâu thu mua, bảo quản tới khâu dự trữ và sử dụng:

- Ở khâu thu mua: Đòi hỏi phải quản lý tốt về mặt khối lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, kế hoạch thu mua theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt là giá mua và chi phí mua.

- Ở khâu bảo quản: Việc tổ chức kho tàng bến bãi phải thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt; đảm bảo an toàn chất lượng cho nguyên vật liệu.
- Ở khâu dự trữ: Đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo nguồn cung ứng, sản xuất không bị ngừng trệ.
- Ở khâu sử dụng: Đòi hỏi các nhà quản lý phải sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở định mức tiêu hao và dự toán chi phí có ý nghĩa trong việc hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Vì vậy trong khâu này cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng nguyên vật liệu.

Tóm lại, quản lý nguyên vật liệu từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp luôn được các nhà lãnh đạo quan tâm.

1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Trong suốt quá trình luân chuyển, việc giám sát chặt chẽ số lượng vật liệu mua vào, xuất dùng để đảm bảo cho chất lượng sản phẩm theo đúng yêu cầu về kỹ thuật, giá trị đã đề ra đòi hỏi cán bộ kế toán vật liệu phải thực hiện những nhiệm vụ đó là:

Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập- xuất- tồn kho vật liệu, tình hình luân chuyển vật tư hàng hóa cả về giá trị và hiện vật. Tính toán đúng đắn giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của vật liệu đã thu mua, nhập và xuất kho của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thu mua vật liệu về các mặt: số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời chủng loại vật liệu và các thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Áp dụng đúng đắn các phương pháp và kỹ thuật hạch toán hàng tồn kho, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép phản ánh, phân loại, tổng hợp số liệu... về tình hình hiện có và sự biến động tăng giảm trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu kịp thời để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Tổ chức đánh giá, phân loại vật liệu, kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu, tính toán xác định chính xác số lượng giá trị vật liệu cho các đối tượng sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Tham gia kiểm kê đánh giá lại hàng tồn kho theo đúng chế độ Nhà nước quy định, lập các báo cáo về vật liệu phục vụ cho công tác quản lý và lãnh đạo, tiến hành phân tích đánh giá vật liệu từng khâu nhằm đưa ra đầy đủ các thông tin cần thiết cho quá trình quản lý.

1.3. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu

Trong mỗi doanh nghiệp, do tính chất đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh nên cần phải sử dụng nhiều nguyên vật liệu khác nhau. Mỗi loại có vai trò, công dụng, tính chất lý, hóa học và có mục đích rất khác nhau đối với quá trình chế tạo sản phẩm. Do vậy để quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán với từng thứ, loại vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị cần thiết phải tiến hành phân loại vật liệu. Phân loại vật liệu là việc sắp xếp vật liệu có cùng một tiêu thức nào đó vào một loại. Đối với vật liệu căn cứ vào nội dung kinh tế, vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh, vào yêu cầu quản lý, vật liệu được chia thành các loại sau:

Căn cứ vào vai trò, công dụng của nguyên vật liệu thì nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên liệu, vật liệu chính là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng nguyên vật liệu chính không giống nhau, như: sắt thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí; bông trong các nhà máy sợi; gạch, ngói, xi măng trong xây dựng cơ bản; hạt giống, phân bón trong nông nghiệp...
- Nguyên liệu, vật liệu phụ là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ, dụng cụ hoạt động bình thường như: thuốc nhuộm, thuốc tẩy, dầu nhờn.
- Nhiên liệu là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh như than, củi, xăng dầu, hơi đốt, khí đốt...
- Phụ tùng thay thế là các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị phương tiện vận tải...
- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm những vật liệu, thiết bị, công cụ, và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản.
- Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu; là cơ sở tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Căn cứ vào nguồn hình thành nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do mua ngoài, nhận góp vốn liên doanh, nhận biếu tặng...
- Nguyên vật liệu tự chế: Do doanh nghiệp tự sản xuất.

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

Căn cứ vào mục đích sử dụng nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.
- Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:
 - + Nhượng bán.
 - + Đem vốn góp liên doanh.
 - + Đem biếu tặng.

1.3.2. Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức kế toán nguyên vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là việc dùng thước đo tiền tệ để thể hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những quy tắc nhất định. Theo quy định tính giá nguyên vật liệu: Áp dụng điều 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính: “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được”. Trong đó: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

1.3.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Tính giá nguyên vật liệu nhập kho được thực hiện theo nguyên tắc giá phí. Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của đơn vị bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu nhập kho khác nhau.

- Đối với vật liệu mua ngoài:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá mua} & & \text{Chiết khấu} \\ \text{nguyên vật liệu} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thương mại, giảm} \\ \text{mua ngoài} & & \text{hoá đơn} & + & \text{giá hàng mua.} \\ & & & & \text{Chi phí} \\ & & & & \text{thu mua} \\ & & & + & \text{thuế không} \\ & & & & \text{được hoàn} \\ & & & & \text{lại} \end{array}$$

Trong đó:

- + Chi phí thu mua: Bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ, hao hụt trong định mức
- + Các khoản thuế không được hoàn lại: như thuế nhập khẩu, thuế TTĐB của hàng nhập khẩu, thuế GTGT (nếu đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)...
- Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế của VL} & & \text{Giá thực tế của VL} & & \text{Chi phí thuê} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuê ngoài gia công} & = & \text{xuất thuê ngoài gia} & + & \text{ngoài gia công} & + & \text{vận chuyển} \\ \text{chế biến} & & \text{công chế biến} & & \text{chế biến} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

- Đối với vật liệu tự chế: Giá thực tế của vật liệu tự chế bằng giá thành sản xuất vật liệu cộng (+) với chi phí vận chuyển (nếu có).
- Đối với vật liệu được cấp: Giá thực tế của vật liệu được cấp được tính theo giá biên bản giao nhận.
- Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh: Giá thực tế của vật liệu nhận góp vốn liên doanh là giá trị thoả thuận giữa các bên liên doanh và các chi phí phát sinh nếu có.
- Đối với vật liệu được biếu tặng, viện trợ: Giá thực tế của vật liệu được biếu tặng, viện trợ tính bằng giá thị trường tại thời điểm nhận.
- Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất: Giá thực tế của phế liệu thu hồi là giá mà có thể sử dụng lại hoặc giá có thể bán.

1.3.2.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Theo chế độ kế toán hiện hành kế toán nhập - xuất kho nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp được tính theo giá thực tế. Song do đặc điểm phong phú về chủng loại và thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất kinh doanh nên để đơn giản hoá và giảm bớt khối lượng tính toán, ghi sổ hàng ngày kế toán có thể sử dụng một trong các phương pháp sau theo nguyên tắc nhất quán trong hạch toán. Theo chuẩn mực 02-Hàng tồn kho ban hành theo QĐ149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có các phương pháp tính giá vật liệu xuất kho như sau: Phương pháp

bình quân gia quyền; Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO); Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO); Phương pháp giá thực tế đích danh (trực tiếp).

Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này, giá thực tế của vật liệu xuất dùng trong kỳ được tính theo giá đơn vị bình quân.

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất kho trong kỳ} = \text{Số lượng NVL xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

Trong đó có 2 cách tính đơn giá bình quân.

Cách 1: Phương pháp đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá nguyên vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế NVL nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập - xuất nguyên vật liệu.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa công việc hạch toán lại dồn vào cuối kỳ nên ảnh hưởng đến tiến độ của khâu kế toán khác, đồng thời sử dụng phương pháp này phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm nguyên vật liệu, và nó chỉ áp dụng với những doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

Cách 2: Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập:

Phương pháp này thường sử dụng ở các doanh nghiệp có ít loại nguyên vật liệu và số lượng nhập kho không nhiều vì cứ sau mỗi lần nhập một nguyên vật liệu nào đó, kế toán phải tính đơn giá bình quân cho nguyên vật liệu theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập khắc phục được nhược điểm của phương pháp giá bình quân cả kỳ dự trữ, vừa chính xác vừa cập nhật.

Nhược điểm: Tốn nhiều công sức và thời gian, phải tính toán nhiều lần.

Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này, giả thiết rằng số vật liệu vào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của nguyên vật liệu nhập.

Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là tính giá thực tế của vật liệu mua trước sẽ dùng để tính giá thực tế của vật liệu xuất trước và do vậy giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của vật liệu mua vào sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

Ưu điểm:

- Phản ánh tương đối chính xác giá trị nguyên vật liệu xuất dùng và tồn cuối kỳ.
- Khi giá nguyên vật liệu có xu hướng tăng, áp dụng phương pháp này sẽ có lãi nhiều hơn khi áp dụng phương pháp khác vì giá vốn bán hiện tại được tạo ra từ giá trị nguyên vật liệu nhập kho từ trước với giá thấp hơn hiện tại.

Nhược điểm:

- Phải theo dõi chặt chẽ chi tiết từng nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu.
- Doanh thu hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại vì doanh thu hiện tại được tạo ra từ các chi phí trong quá khứ.

Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này, giả thiết vật liệu nào nhập kho sau cũng sẽ xuất trước và những vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ gồm vật liệu mua vào đầu kỳ, ngược lại với phương pháp nhập trước xuất trước ở trên, phương pháp nhập sau xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

Ưu điểm:

- Áp dụng phương pháp này sẽ cho doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại vì doanh thu hiện tại được tạo ra từ nguyên vật liệu mua ở thời điểm gần nhất.
- Khi giá nguyên vật liệu trên thị trường có xu hướng tăng lên, việc áp dụng phương pháp này sẽ cho giá vốn cao hơn.

Nhược điểm:

- Bỏ qua luồng nhập, xuất nguyên vật liệu trong thực tế.
- Giá trị hàng tồn kho được phản ánh thấp hơn so với giá thực tế nếu có xu hướng tăng.
- Phải theo dõi chặt chẽ chi tiết từng nghiệp vụ nhập kho.

Phương pháp giá thực tế đích danh

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô nguyên vật liệu nhập kho. Vì vậy khi xuất kho lô nào thì tính theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô đó.

Ưu điểm: Công tác tính giá nguyên vật liệu được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô nguyên vật liệu.

Nhược điểm: Hệ thống kho của doanh nghiệp phải được tổ chức có trật tự, quy củ thì mới theo dõi được từng lô nguyên vật liệu riêng.

1.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Hạch toán chi tiết NVL là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng danh điểm NVL cả về số lượng, chất lượng và giá trị.

Kế toán chi tiết ở kho do thủ kho tiến hành, thủ kho phải có trách nhiệm bảo quản nguyên vật liệu tại kho, thực hiện việc nhập, xuất nguyên vật liệu trên cơ sở chứng từ hợp lệ. Thủ kho phải ghi chép vào thẻ kho và các sổ có liên quan đến tình hình nhập, xuất, tồn kho.

Ở phòng kế toán thông qua các chứng từ ban đầu để kiểm tra tính hợp lệ và ghi chép vào sổ sách chi tiết và tổng hợp chủ yếu bằng chỉ tiêu giá trị để phản ánh, giúp cho Giám đốc có thể kiểm tra tình hình nhập, xuất, dự trữ, bảo quản nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

1.4.1. Chứng từ sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm:

Phiếu nhập kho: Mẫu 01-VT.

Phiếu xuất kho: Mẫu 02-VT.

Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 03-VT.

Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ: Mẫu 04-VT.

Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 05-VT.

Bảng kê mua hàng: Mẫu 06-VT.

Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: Mẫu 07- VT.

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ: Mẫu 03P XK-3LL.

Hóa đơn bán hàng thông thường: Mẫu 02GTGT-3LL.

Hoá đơn giá trị gia tăng: Mẫu 01GTGT3.

Các chứng từ phải lập kịp thời, đúng mẫu quy định và đầy đủ các yếu tố nhằm đảm bảo tính pháp lý để ghi sổ kế toán. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc luân

chuyển chứng từ cần có kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo việc ghi chép kế toán được lập kịp thời, đầy đủ.

1.4.2. Thủ tục nhập - xuất kho nguyên vật liệu

1.4.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Căn cứ vào nhu cầu về vật tư mà bộ phận mua hàng sẽ liên hệ với nhà cung cấp, lựa chọn người bán hàng và lập hợp đồng mua hàng. Khi nguyên vật liệu về đến doanh nghiệp nếu cần kiểm nghiệm thì phải thành lập ban kiểm nghiệm. Ban này có nhiệm vụ kiểm nghiệm về mặt số lượng, chất lượng, quy cách của nguyên vật liệu và lập “Biên bản kiểm nghiệm vật tư”.

Bộ phận cung ứng dựa trên cơ sở hợp đồng mua hàng, hoá đơn, biên bản kiểm nghiệm vật tư để lập “Phiếu nhập kho”. Phiếu nhập kho thành 2 liên (đối với vật tư mua ngoài), 3 liên (đối với vật tư tự sản xuất). Thủ kho sau khi nhận vật tư ghi số lượng vào cột thực nhập, ký nhận.

Liên 1: Do bộ phận lập phiếu giữ.

Liên 2: Thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.

Liên 3: Người nhận vật tư giữ.

Hợp đồng mua hàng, hoá đơn của người bán được giao cho bộ phận tài vụ, làm thủ tục thanh toán và ghi sổ kế toán.

1.4.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Trong mọi trường hợp xuất kho nguyên vật liệu bất cứ sử dụng cho mục đích gì đều phải thực hiện đầy đủ các thủ tục, chứng từ quy định và phải thực hiện nghiêm ngặt việc cân, đong, đo đếm tùy theo từng loại nguyên vật liệu. Trên các chứng từ xuất nguyên vật liệu phải ghi rõ mục đích sử dụng nguyên vật liệu (xuất cho ai, xuất để làm gì,....).

Phiếu xuất kho do bộ phận cung ứng lập để theo dõi chặt chẽ số lượng vật tư xuất kho cho các bộ phận, phân xưởng để có kế hoạch cung ứng vật tư kịp thời cho sản xuất và làm căn cứ để kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Phiếu xuất kho lập thành 3 liên:

Liên 1: Do bộ phận lập phiếu giữ.

Liên 2: Thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.

Liên 3: Người nhận vật tư giữ.

Đối với trường hợp xuất bán vật liệu, bộ phận cung ứng căn cứ vào những thoả thuận của khách hàng để lập “Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho”. Phiếu này được lập làm 3 liên: Một liên giao cho khách hàng; một liên giao cho bộ phận cung ứng; một liên giao cho thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.

1.4.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

- Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập- xuất tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ được mở cho từng danh điểm nguyên vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm nguyên vật liệu.
- Tại phòng kế toán: Kế toán nguyên vật liệu sử dụng thẻ hay sổ chi tiết nguyên vật liệu. Sổ chi tiết nguyên vật liệu kết cấu như thẻ kho nhưng thêm cột đơn giá và phản ánh riêng theo số lượng, giá trị và cũng được phản ánh theo từng danh điểm nguyên vật liệu.

Bảng 1.1: Thẻ kho

Đơn vị:.....

Tên kho:.....

THẺ KHO

Ngày lập thẻ.....

Tờ số.....

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư:.....

Đơn vị tính:.....

Mã số:.....

Số thứ tự	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	4

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 1.2: Sổ chi tiết nguyên vật liệu

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tên tài khoản: Tiêu khoản: Kho:

Năm:

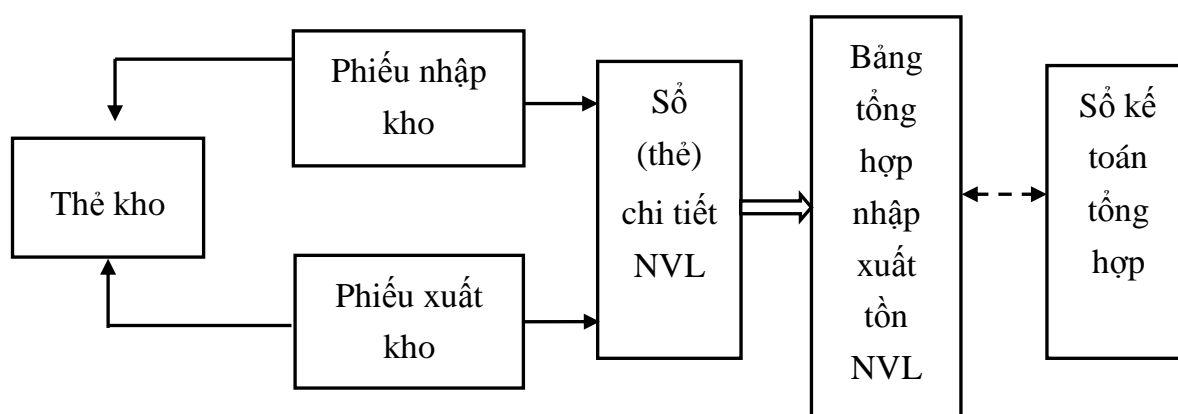
Tên vật liệu, quy cách phẩm chất:

Trang:

Đơn vị tính:

Số thứ tự	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	E	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6	8

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- + Ghi hàng ngày →
- + Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- + Quan hệ đối chiếu kế toán ↔

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập - xuất nguyên vật liệu ở kho, kế toán kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ rồi ghi vào sổ (thẻ) chi tiết.

Định kỳ phải kiểm tra số liệu trên thẻ kho và sổ chi tiết. Cuối tháng tính ra số tồn kho và đối chiếu số liệu với sổ kế toán tổng hợp.

Đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết vật liệu ở phòng kế toán và thẻ kho của thủ kho bằng cách thông qua báo cáo tình hình biến động của nguyên vật liệu do thủ kho gửi lên.

Ưu điểm: Việc ghi sổ thẻ đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót trong việc ghi chép, quản lý chặt chẽ tình hình biến động và số hiện có của từng thứ nguyên vật liệu theo số lượng và giá trị.

Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn. Công việc còn dồn vào cuối tháng nên hạn chế tính kịp thời của kế toán và gây lãng phí về lao động.

Điều kiện áp dụng: Phương pháp ghi thẻ song song áp dụng thích hợp với những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít, tình hình nhập- xuất nguyên vật liệu phát sinh hàng ngày không nhiều, trình độ kế toán và quản lý không cao.

1.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.5.1. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.5.1.1. Đặc điểm

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập, xuất và tồn kho vật liệu một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán, về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải hoàn toàn phù hợp với số hàng tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

1.5.1.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 152- nguyên vật liệu
- Tài khoản 151- hàng mua đang đi đường

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 331, TK 621, TK 627, TK 641, TK 642,.....

Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 152

TK 152

<p>Số dư đầu kỳ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn đầu kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh, hoặc các nguồn khác. - Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê. - Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (PP KKĐK) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn. - Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua, chiếu khấu thương mại được hưởng. - Trị giá nguyên vật liệu hao hụt mất mát phát hiện khi kiểm kê. - Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (PP KKĐK)
<p>Số dư cuối kỳ: Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.</p>	

Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của vật tư hàng hoá mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp đang trên đường vận chuyển hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

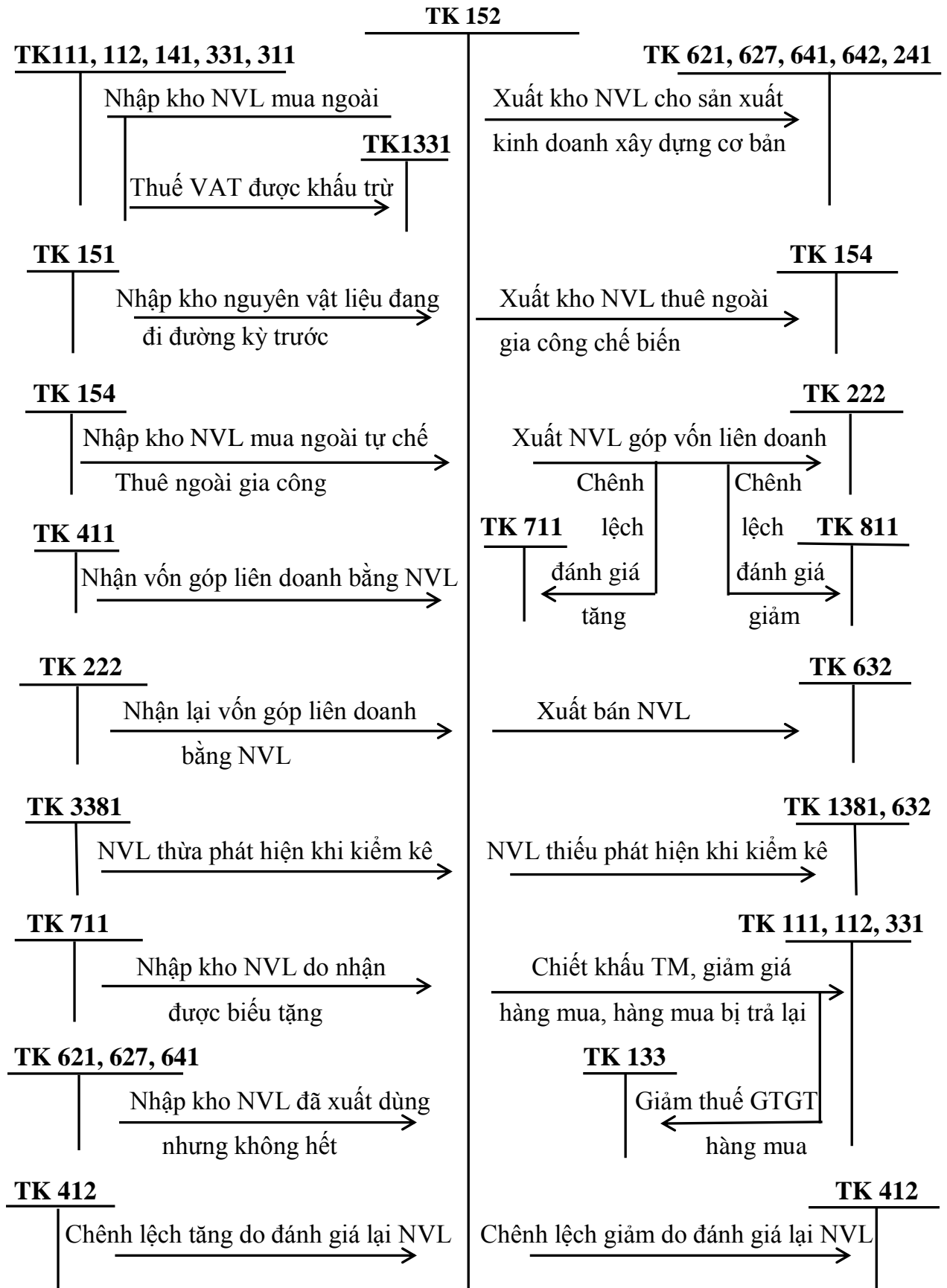
Kết cấu tài khoản 151

TK 151

<p>Số dư đầu kỳ: Trị giá hàng đi đường chưa về nhập kho đầu kỳ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường - Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu mua đang đi đường cuối kỳ. (PP KKĐK) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng hoá vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng. - Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu đã mua đang đi đường đầu kỳ (PP KKĐK)
<p>Số dư cuối kỳ: Giá trị hàng đang đi đường chưa về nhập kho cuối kỳ.</p>	

1.5.1.3. Phương pháp kế toán

**Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên
(Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



1.5.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.2.1. Đặc điểm

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp từ đó tính giá trị vật tư đã xuất trong kỳ:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá vật} & & \text{Trị giá vật tư} & & \text{Tổng trị giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} \\ \text{tư xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{mua vào trong kỳ} & - & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Theo cách thức này, mọi biến động về vật tư không được theo dõi, phản ánh trên tài khoản 152, giá trị NVL, vật tư mua vào được phản ánh trên tài khoản 611- Mua hàng. Phương pháp này thường được áp dụng ở những đơn vị có nhiều chủng loại vật tư, giá trị thấp và được xuất liên tục.

1.5.2.2. Tài khoản sử dụng

TK 611 “ mua hàng” (tiểu khoản 6111. “ Mua nguyên liệu, vật liệu”). Dùng để phản ánh tình hình thu mua, tăng giảm nguyên vật liệu, công cụ...theo giá thực tế (giá mua và chi phí thu mua).

Kết cấu TK 611

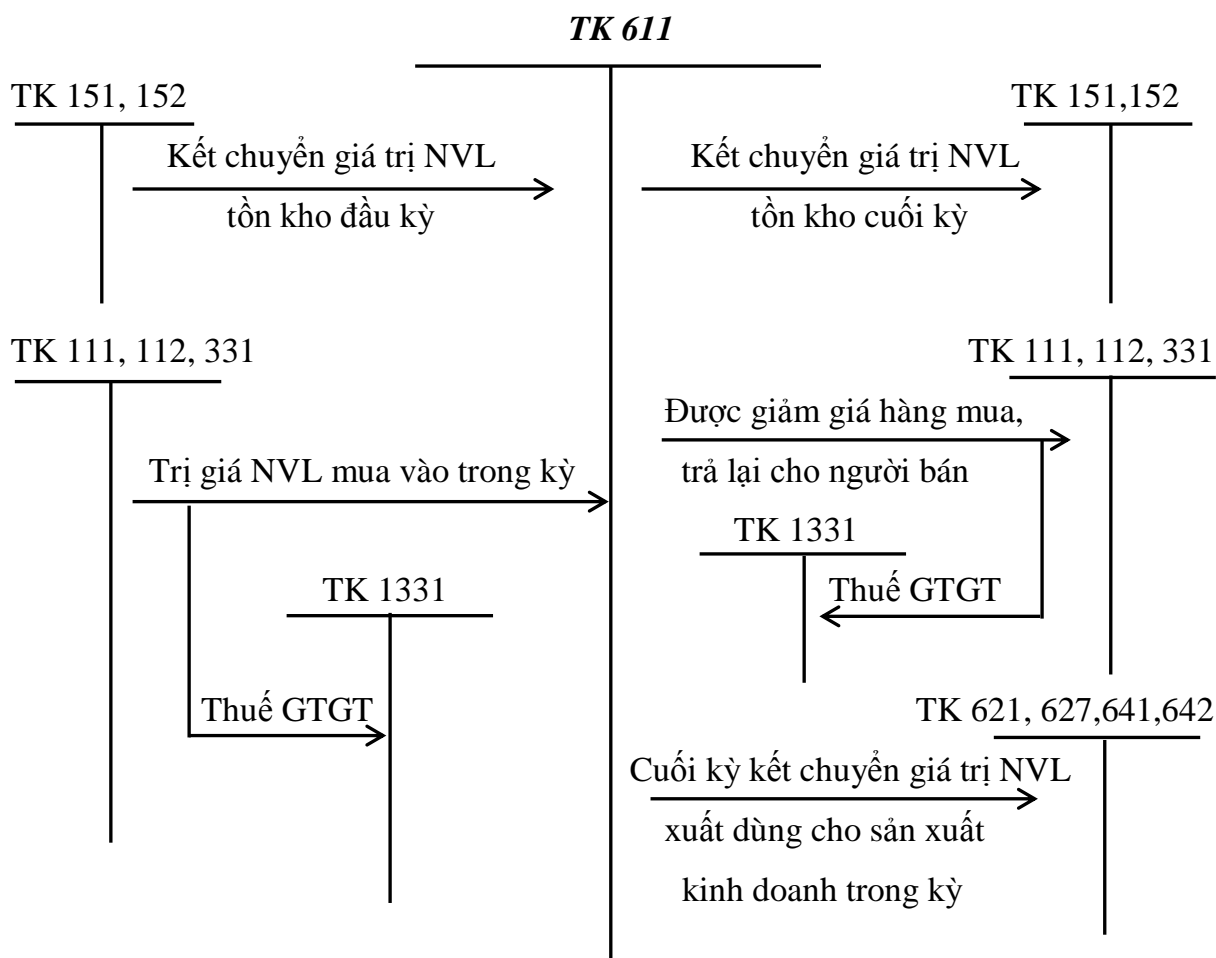
TK 611- Mua hàng

- Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).	- Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ. Trị giá thực tế hàng đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ.
- Giá thực tế hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại.	- Giá trị nguyên liệu, vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá. - Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như: 111, 112, 331, 621, 627,...các TK này có nội dung và kết cấu giống như phương pháp KCTX.

1.5.2.3. Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ (Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



1.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.6.1. Đặc điểm

Dự phòng thực chất là việc ghi nhận trước một khoản chi phí thực tế chưa thực chi vào chi phí kinh doanh của niên độ báo cáo để có nguồn tài chính cần thiết bù đắp những thiệt hại có thể xảy ra trong niên độ liên sau.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho bị giảm giá, đồng thời dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán.

Theo thông tư 228/2009/TT –BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, mức lập dự phòng được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật} \\ \text{tur hàng hoá} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hoá thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập} \\ \text{báo cáo tài chính} \end{array} * \left[\begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho} \end{array} \right]$$

Trong đó:

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

1.6.2. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình trích lập dự phòng và xử lý dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ giá trị dự tính bị giảm sút so với giá gốc của hàng tồn kho nhằm ghi nợ các tài khoản lỗ hay phí tổn có thể phát sinh nhưng chưa chắc chắn.

Kết cấu tài khoản 159

TK 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.	Số dư đầu kỳ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho còn đầu kỳ. Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập, tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
	Số dư cuối kỳ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ

1.6.3. Phương pháp kế toán

Cuối niên độ kế toán, so sánh dự phòng năm cũ còn lại với số dự phòng cần trích lập cho niên độ mới, nếu số dự phòng còn lại lớn hơn số dự phòng cần lập cho niên độ mới, kế toán tiến hành hoàn nhập số chênh lệch lớn hơn bằng cách ghi giảm giá vốn hàng tồn kho.

Nợ TK 159: (Chi tiết từng loại)- hoàn nhập dự phòng còn lại.

Có TK 632: Giảm giá vốn hàng bán.

Ngược lại, nếu số dự phòng còn lại nhỏ hơn số dự phòng cần lập cho niên độ mới kế toán tiến hành trích lập số chênh lệch lớn hơn

Nợ TK 632: Ghi tăng giá vốn hàng bán trong kỳ.

Có TK 159: Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Trong niên độ kế toán tiếp theo, nếu hàng tồn kho không bị giảm giá, đã sử dụng vào sản xuất kinh doanh hoặc đã bán, ngoài bút toán phản ánh giá trị hàng tồn kho đã dùng hay đã bán, kế toán còn phải hoàn nhập số dự phòng giảm giá đã lập của các loại hàng tồn kho này bằng bút toán.

Nợ TK 159: (Chi tiết từng loại)- hoàn nhập số dự phòng còn lại.

Có TK 632: Giảm giá vốn hàng bán.

1.7. Hệ thống sổ kế toán sử dụng trong công tác kế toán nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán

1.7.1. Hình thức nhật ký sổ cái

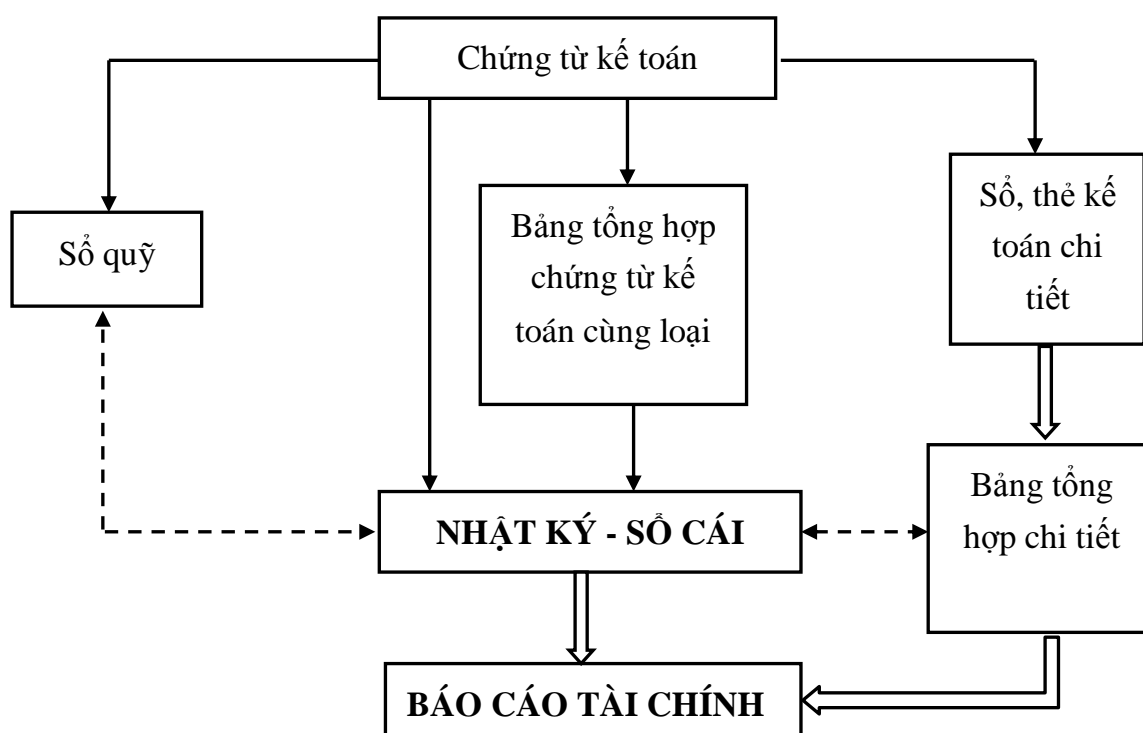
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái thể hiện trên sơ đồ trong hình sau đây. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký sổ cái



Ghi chú:

- + Ghi hàng ngày \longrightarrow
- + Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow
- + Quan hệ đối chiếu kế toán \longleftrightarrow

1.7.2. Hình thức Nhật ký chung

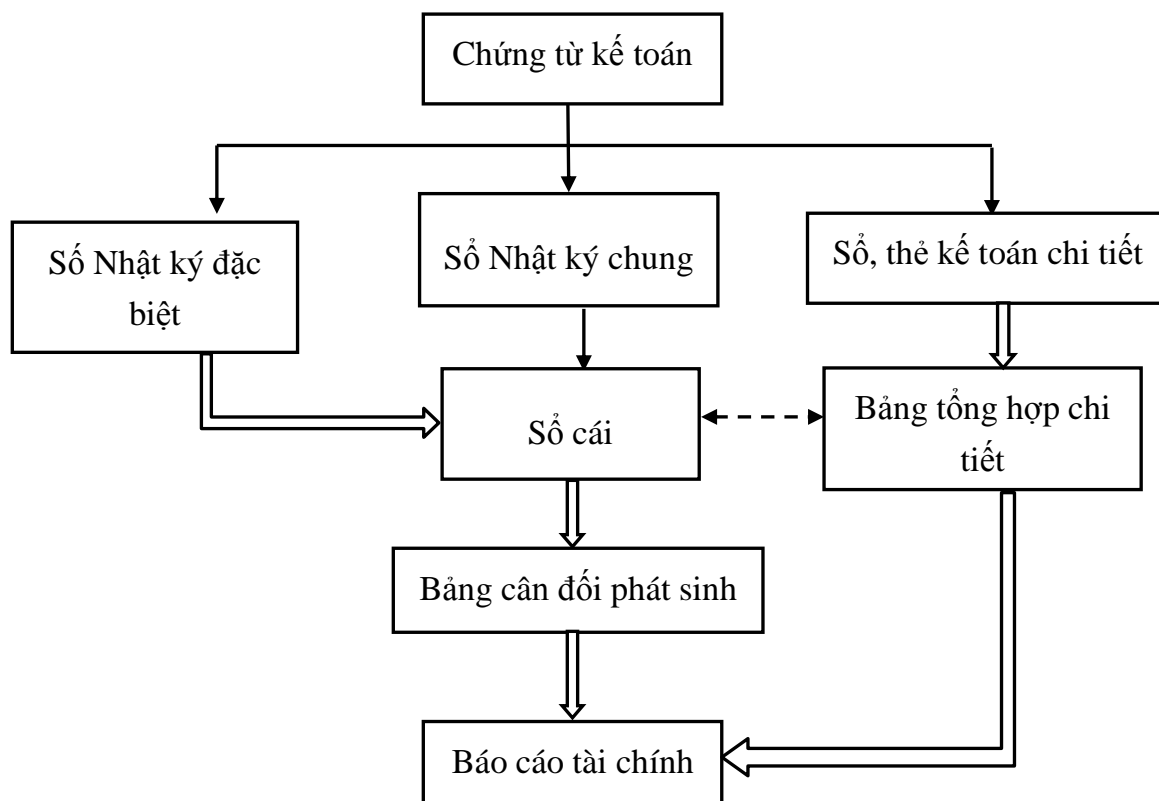
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:
 - + Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
 - + Sổ Cái;
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Điều kiện áp dụng: Hình thức sổ NKC thường áp dụng cho các doanh nghiệp có số lượng nghiệp vụ diễn ra không nhiều, sử dụng ít tài khoản.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện như sau:

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



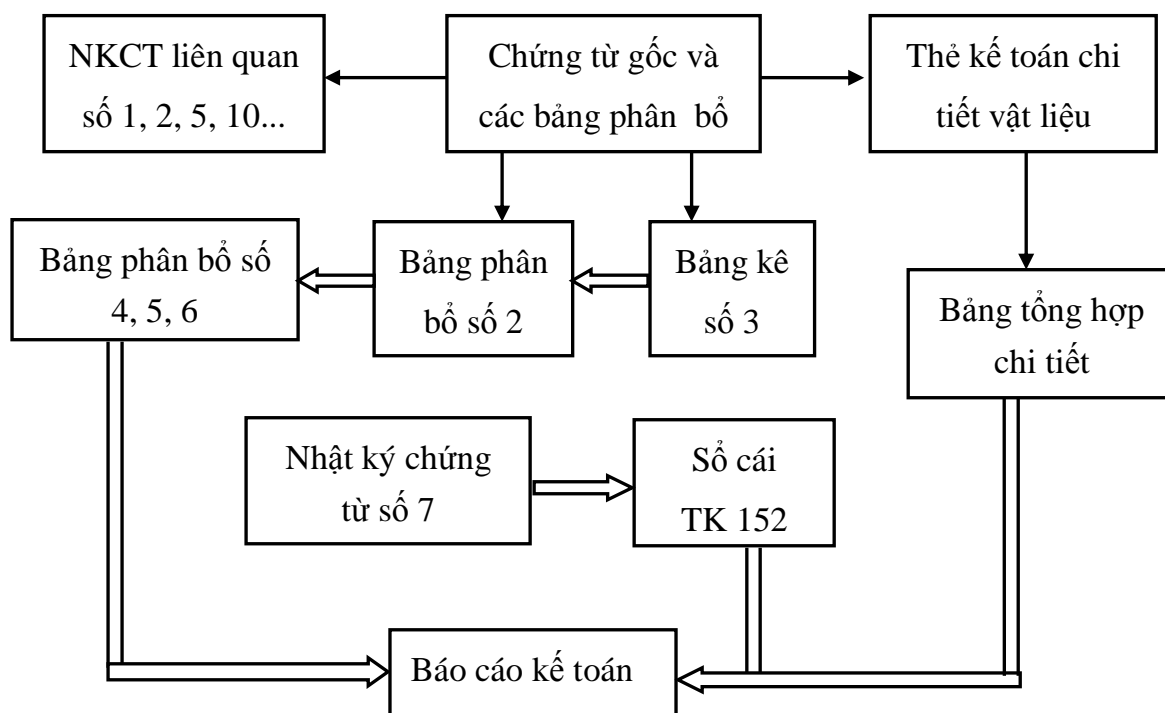
Ghi chú:

- + Ghi hàng ngày →
- + Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- + Quan hệ đối chiếu kế toán ↔

1.7.3. Hình thức Nhật ký chứng từ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.
- Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.
- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- + Ghi hàng ngày →
- + Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- + Quan hệ đối chiếu kế toán ↔

1.7.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

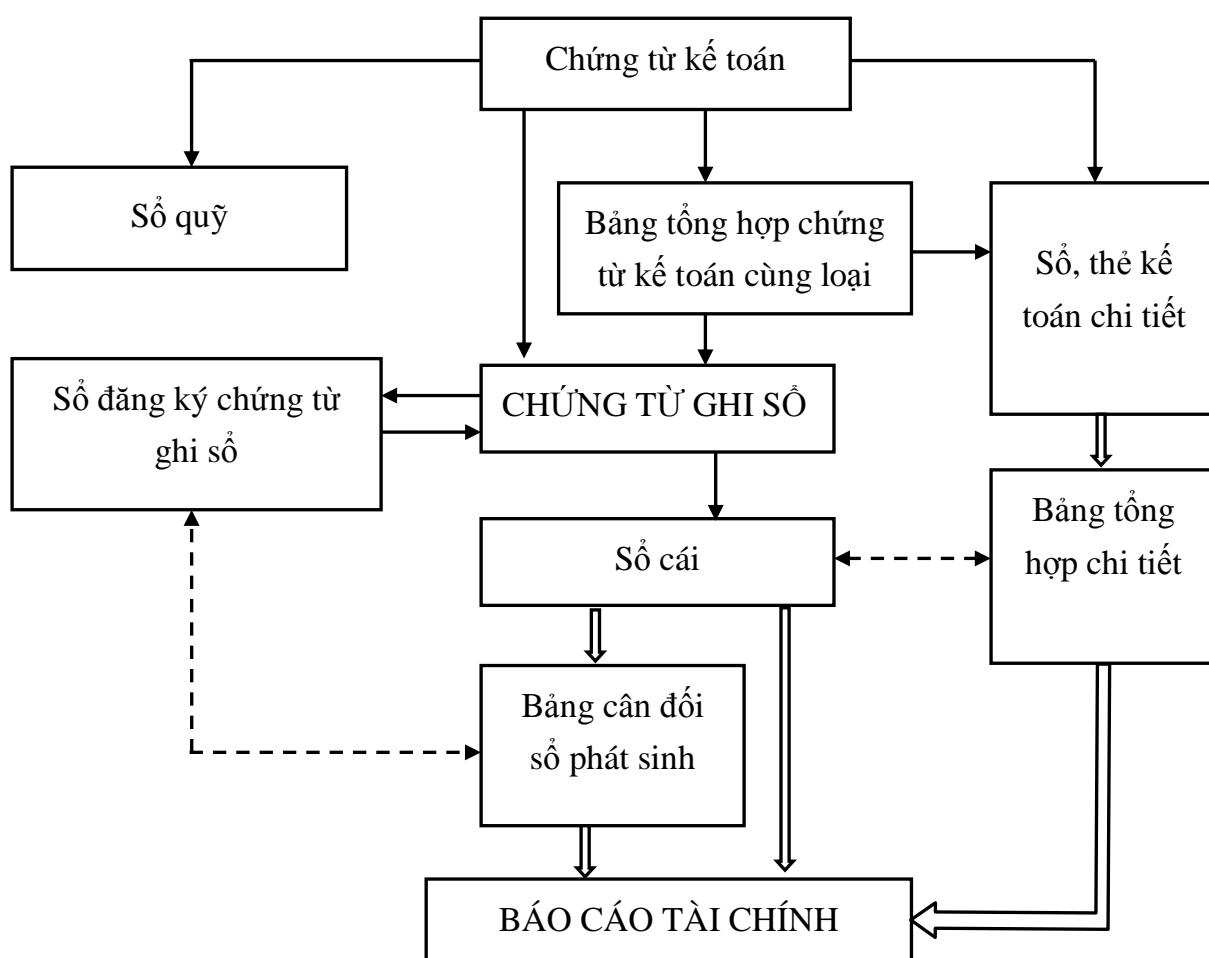
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ:

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- + Ghi hàng ngày →
- + Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- + Quan hệ đối chiếu kế toán ↔

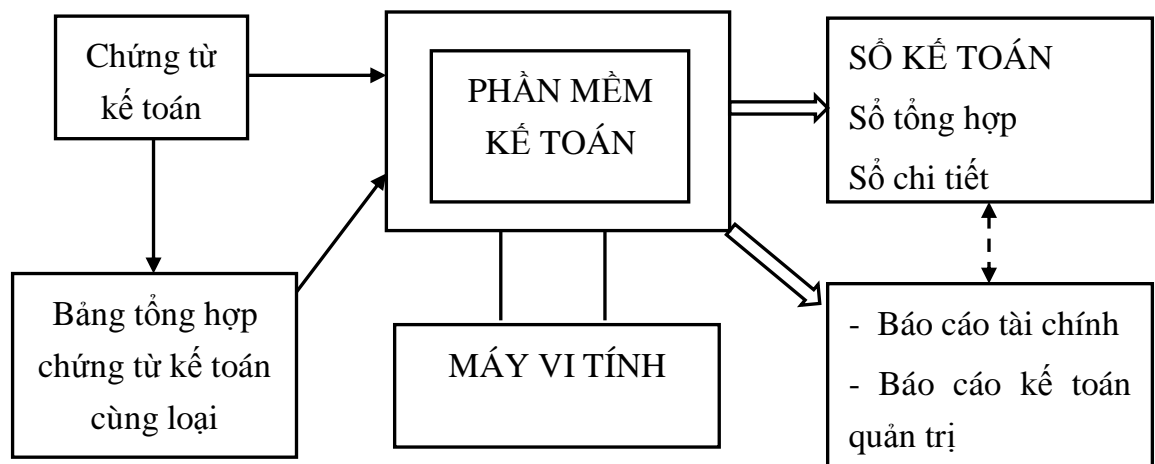
1.7.5. Hình thức trên máy tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính thể hiện qua sơ đồ:

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức trên máy tính



Ghi chú:

- + Ghi hàng ngày →
- + Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- + Quan hệ đối chiếu kế toán ↔

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH S.P.B ENGINEERING VIỆT NAM

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

- Là Công ty 100% vốn của Thái Lan. Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và lắp đặt hệ thống ống thông gió - thông khí, hệ thống điều hòa và thiết bị phòng sạch.
- Tên Công ty: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.
- Tên giao dịch: S.P.B ENGINEERING VIET NAM COMPANY LIMITED.
- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất gia công cơ khí, luyện kim và lắp đặt hệ thống thông gió thông khí.
- Quy mô Công ty: 100 - 250 người.
- Địa chỉ: Xã Trung Trắc - Văn Lâm - Hưng Yên.
- Điện thoại: 03213997863
- Website: spbEngineering.com.
- Email: info@spbEngineering.com
- Mã số thuế: 0900514897
- Vốn điều lệ: 8.429.400.000 VND (Tám tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Được thành lập từ ngày 01/09/1994 tại Thái Lan. SPB Engineering Co, Ltd là một trong những Công ty thiết kế hàng đầu số lượng các hệ thống ống thông gió, hệ thống ống hút khí cho các thiết bị phòng sạch cho tất cả các ngành công nghiệp, cho dù đó là thực phẩm hoặc các ngành công nghiệp dược phẩm, bệnh viện và tất cả các loại thiết bị điện tử ở Thái Lan và nước ngoài.

Năm 2000 để chiếm được sự tin cậy của khách hàng hơn nữa. Công ty nâng cao sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm ở tất cả các khía cạnh để tập trung vào các sản phẩm được phát triển theo tiêu chuẩn quốc tế, dễ cài đặt, dễ sử dụng. Bán phụ tùng cho khách hàng cả trong nước và nước ngoài.

Năm 2001 Công ty được cấp giấy chứng nhận của Bureau Veritas Certification về đánh giá hệ thống quy trình sản xuất sản phẩm tốt, bảo vệ môi trường.

Từ năm cuối năm 2009 Công ty bắt đầu củng cố và mở rộng quy mô phát triển tại Việt Nam, Công ty đã xây dựng và thuê khu nhà xưởng có diện tích 1.890m² của

Công ty TNHH Kelen Việt Nam thuộc địa bàn xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 20/08/2010 Công ty quyết định mở rộng diện tích lên 2156m² để sản xuất và chú trọng khai thác thị trường mới. Công ty bắt đầu củng cố, xây dựng hệ thống máy sản xuất thiết bị tự động, tiếp cận thị trường sâu hơn nữa bằng việc mở nhiều cửa hàng, chi nhánh tại các tỉnh lân cận phân phối giới thiệu sản phẩm.

Trong 2 năm gần đây (2010-2011) do mới ra nhập thị trường Việt Nam, Công ty còn nhiều bỡ ngỡ về phong tục, tập quán, cách kinh doanh của người Việt Nam nên đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc kinh doanh.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Khái quát về ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

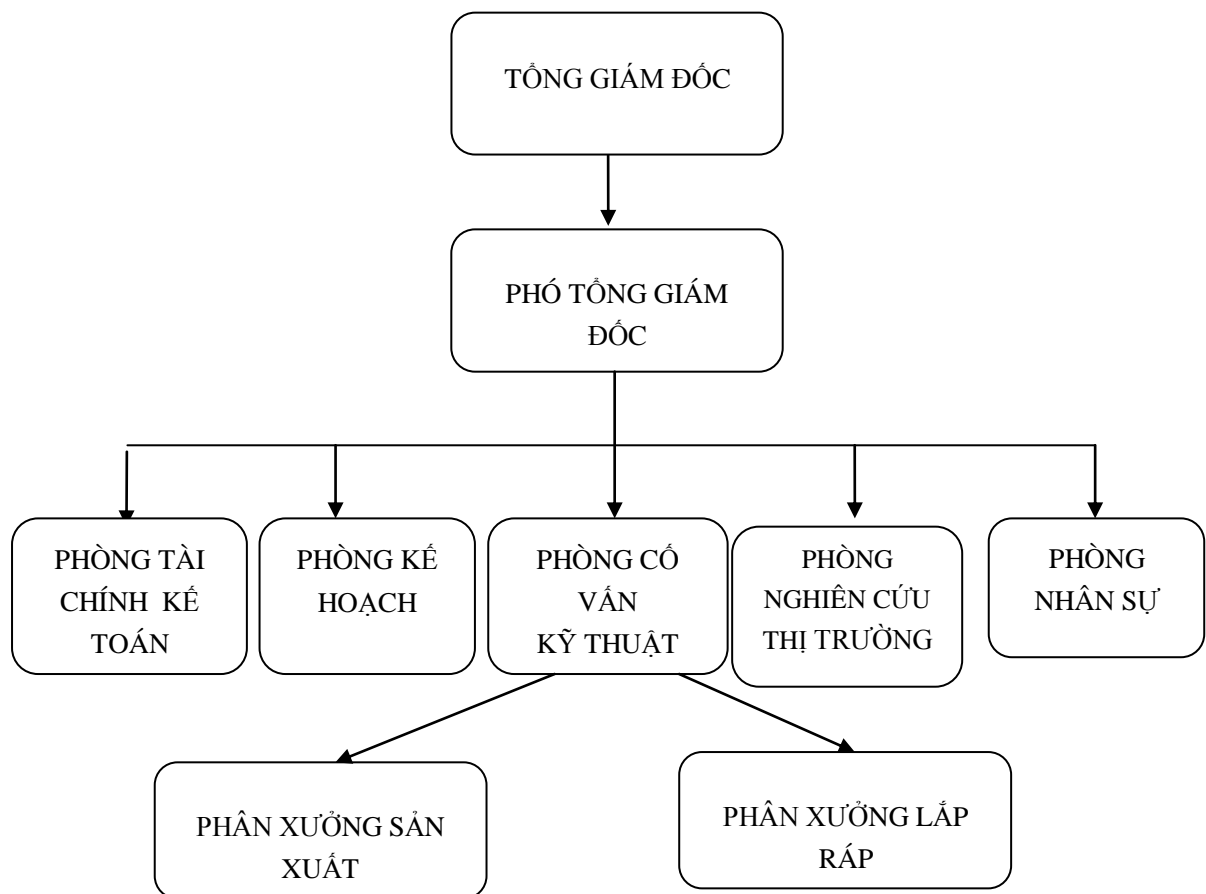
Các ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Lắp đặt, sản xuất, kinh doanh các hệ thống điện cho các công trình hay nhà ở, trường học, bệnh viện.
- Lắp đặt hệ thống phòng sạch điều hòa không khí để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh.
- Lắp đặt hệ thống ống dẫn, hệ thống thông gió trong các khu công nghiệp chế xuất nhằm đảm bảo cho việc bảo vệ môi trường, không khí trong lành ở các khu công nghiệp mạnh.
- Lắp đặt, sản xuất các hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước và các hệ thống phụ trợ khác có liên quan tới nhau ở các công trình trọng điểm hay các trung tâm kinh doanh, văn hóa, thành phố lớn.
- Sản xuất và lắp đặt các bộ phận thiết bị cơ khí để giúp đáp ứng cho nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước trong việc lắp ráp các bộ phận để đưa vào sản xuất.
- Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực mua bán các phụ tùng điện tử, linh kiện, trang thiết bị của các hệ thống ống dẫn khí, điều hòa, ống thông gió..... Hoạt động dịch vụ buôn bán trong nội địa, quốc tế của Công ty cũng khá phát triển.
- Ban đầu khi mới ra nhập thị trường doanh nghiệp đã củng cố và đưa ra hàng loạt các dự án về hệ thống thông gió, hệ thống hút khí để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng cho đến nay khi đã chiếm được ưu thế và lòng tin của khách hàng Công ty mở rộng thêm và kinh doanh các ngành nghề có mối liên quan

với nhau nhưng sản xuất hệ thống thông gió, hệ thống hút khí vẫn là ngành nghề trọng điểm được Công ty chú trọng và đầu tư trong hiện tại và tương lai. Do đó mà ta thấy trong số các ngành nghề kinh doanh: ngành nghề sản xuất, kinh doanh hệ thống thông gió, hệ thống hút khí, các sản phẩm lắp đặt ống dẫn, cấp thoát nước, điều hòa không khí, hệ thống điện, thiết bị cơ khí, thì ta thấy ngành sản xuất và lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống hút khí đã đem lại nguồn thu chính và chủ yếu cho Công ty từ ngay những năm đầu thành lập tới nay.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty TNHH S.B.P Engineering Việt Nam



(Nguồn: Phòng Nhân sự)

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận

Tổng Giám đốc: Là người đại diện và đứng đầu Công ty, nắm mọi quyền hành và chịu trách nhiệm các hoạt động thường ngày của Công ty. Giám đốc có một số quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

- Tổ chức thực hiện các quyết định.

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty.
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên...

Phó giám đốc: Phó Tổng Giám đốc là người nắm quyền hành sau Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Phòng tài chính – Kế toán: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính kế toán, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm soát tài chính kế toán tại Công ty. Thực hiện chức năng kiểm soát viên nhà nước tại Công ty. Quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn do Công ty huy động theo đúng quy định của nhà nước.

Phòng kế hoạch: Tìm kiếm khách hàng để Công ty có thể tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế và trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động tiếp thị bán hàng tới cá nhân và khách hàng tiềm năng của doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu về doanh số, thị phần... Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty và thống kê, tổng hợp hướng dẫn, phân tích tình hình thực hiện các công việc sản xuất kinh doanh của Công ty, các công tác khác được phân công theo quy định.

Phòng cố vấn kỹ thuật: Chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc và tham mưu giúp Giám đốc về lĩnh vực quản lý, sử dụng phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư trong toàn Công ty, lên kế hoạch phân phối đến các bộ phận, nâng cấp hoặc thay thế máy móc thiết bị hiện đại có hoạch định chiến lược phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ mới, tính kinh tế cao.

Phòng nghiên cứu thị trường: Là tìm hiểu về các khách hàng tiềm năng và đối thủ cạnh tranh, trực tiếp nghiên cứu thị trường, nguồn hàng, khách hàng trong và ngoài nước để xúc tiến thương mại, đồng thời tham mưu giúp Ban Giám đốc Công ty hoạch định các phương án sản xuất kinh doanh của toàn Công ty dài hạn, ngắn hạn hoặc trong từng thương vụ kinh doanh cụ thể.

Phòng nhân sự: Chịu trách nhiệm quản lý nhân viên, tham mưu cho Giám đốc về chiến lược phát triển nguồn nhân lực và trong các lĩnh vực sau: tuyển dụng, đào tạo,

đánh giá nhân viên, khen thưởng, kỷ luật và quan hệ lao động, quản trị tiền lương – tiền thưởng và chế độ chính sách BHYT, BHXH.

Phân xưởng sản xuất: Là bộ phận thuộc đơn vị sản xuất của Công ty đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của phòng kỹ thuật. Phân xưởng đảm nhiệm các chức năng sản xuất ra các thiết bị trong nhà máy cơ khí thường có các PX như PX chế tạo phôi, PX gia công cơ khí, nhiệt luyện, lắp ráp, sơn, hoặc PX gia công bánh răng, PX chế tạo hàng tiêu chuẩn, PX dụng cụ, cơ điện, v...v.... Việc phân chia nhà máy ra các PX tương ứng với sự phân chia hợp lý quá trình sản xuất theo một trình tự nào đó trong nhà máy, cho nên giữa các PX cũng sẽ hình thành những mối liên hệ sản xuất tất yếu, nó chiếm vai trò rất quan trọng nhằm phục vụ cho quá trình hoàn thiện sản phẩm sau này.

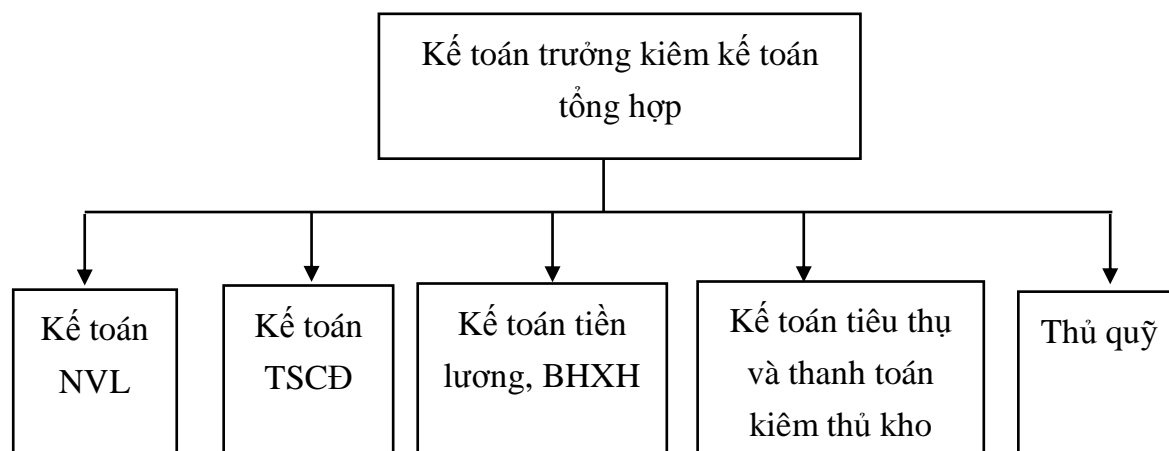
Phân xưởng lắp ráp: Là khâu cuối cùng của việc hoàn thành sản phẩm, phân xưởng có nhiệm vụ tập hợp các thiết bị, các chi tiết và lắp ráp hoàn thiện các sản phẩm theo một trình tự nhất định.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Với đặc điểm sản xuất kinh doanh, quy mô doanh nghiệp và yêu cầu trong quản lý bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung nghĩa là toàn bộ công việc của kế toán được thực hiện tại phòng tài chính kế toán của Công ty, các bộ phận dưới không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ có các tổ trưởng ghi chép sổ sách, chứng từ rồi chuyển về phòng kế toán để xử lý và hạch toán.

Từ quy mô và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp tổ chức bộ máy kế toán gồm 6 người. Trong đó kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm cao nhất:

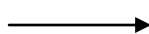
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam



(Nguồn: Phòng nhân sự)

Ghi chú :

Quan hệ chỉ đạo



Kế toán trưởng : Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi hoạt động của phòng kế toán cũng như các hoạt động khác thuộc lĩnh vực tài chính của Công ty, tổ chức bộ máy kế toán nhằm thực hiện 2 chức năng cơ bản của kế toán là: Thông tin và kiểm tra hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán tài chính của đơn vị, thực hiện chế độ kế toán và các luật lệ mà Nhà nước ban hành trong lĩnh vực kế toán tài chính. Kế toán trưởng có nhiệm vụ cung cấp thông tin về tình hình tài chính một cách chính xác; đầy đủ; kịp thời và hữu ích cho cấp lãnh đạo khi cần thiết, đồng thời tham mưu cho Giám Đốc trong việc đưa ra quyết định kinh doanh.

Ngoài ra, kế toán trưởng kiêm phần việc của kế toán tổng hợp: Tập hợp chi phí sản xuất từ các bộ phận kế toán có liên quan, phân bổ chi phí cho từng đối tượng sử dụng và tính giá thành từng sản phẩm, xác định chi phí dở dang cuối kỳ. Ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, vào sổ cái các tài khoản liên quan, cuối kỳ lập bảng cân đối sổ phát sinh, lập báo cáo tài chính.

Kế toán nguyên vật liệu: Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho của nguyên vật liệu. Theo dõi tình hình sử dụng vật tư theo định mức và theo quy định, ghi sổ chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu.

Kế toán TSCĐ: Quản lý, theo dõi và ghi sổ tình hình tăng giảm tài sản cố định tại Công ty, bên cạnh đó tính khấu hao và lập bản phân bổ khấu hao tài sản cố định

Kế toán tiền lương và BHXH: Thực hiện chấm công nhân viên và cuối kỳ căn cứ vào bảng chấm công và đơn giá tiền công tính tiền lương phải trả cho người lao động và các khoản phải trích theo lương: BHXH, BHYT và kinh phí công đoàn, sau đó cuối tháng chuyển cho kế toán tổng hợp.

Kế toán tiêu thụ và thanh toán kiêm thủ kho:

- **Tiêu thụ và thanh toán:** Ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan tới tiêu thụ và thanh toán, viết hoá đơn, theo dõi tình hình doanh thu bán hàng, các khoản thanh toán của Công ty như thanh toán với người mua, người bán bằng tiền gửi ngân hàng tiền mặt...Kế toán sổ sách thu – chi tiền với thủ quỹ, theo dõi công tác thanh toán của Công ty và rà soát các khoản tạm ứng cần phải thu... để quản lý tài chính doanh nghiệp chặt chẽ hơn. Theo dõi và thực hiện các công việc liên quan đến phần hành kế toán vốn bằng tiền, theo dõi và thanh lý các hợp đồng kinh tế, lập phiếu thu, chi, theo dõi các khoản công nợ và nhà cung cấp cũng như với khách hàng.
- **Thủ kho:** Quản lý, theo dõi và ghi chép sổ sách liên quan tới nguyên vật liệu, sản phẩm trong kho.

Thủ quỹ: Quản lý lượng tiền mặt tại quỹ của Công ty, theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn quỹ tiền mặt, kiểm kê quỹ và lập báo cáo nhập, xuất, tồn quỹ tiền mặt, ghi

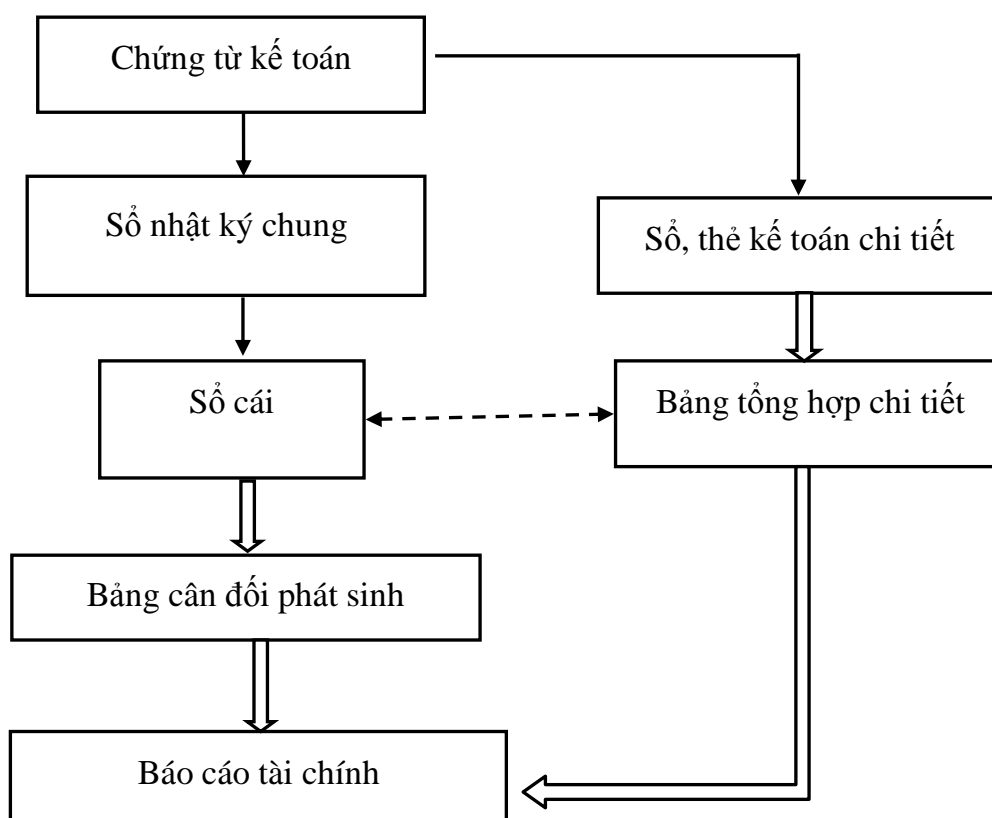
các khoản thu chi tiền mặt khi tiếp nhận chứng từ hợp lệ có đầy đủ chữ ký của Giám đốc và Kế toán trưởng.

2.1.5. Đặc điểm của tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Hiện nay Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam đang áp dụng hệ thống tài khoản và biểu mẫu sổ sách ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 và kết thúc 31/12. Công ty sử dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, xác định giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền, cụ thể là phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Hiện nay phòng tài chính kế toán của Công ty đã và đang ứng dụng phần mềm kế toán trên excel vào phục vụ công tác kế toán.

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép, theo dõi trên sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian và có quan hệ đối ứng tài khoản, sau đó sử dụng số liệu ở sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái các tài khoản liên quan. Dưới đây là trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung của Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.

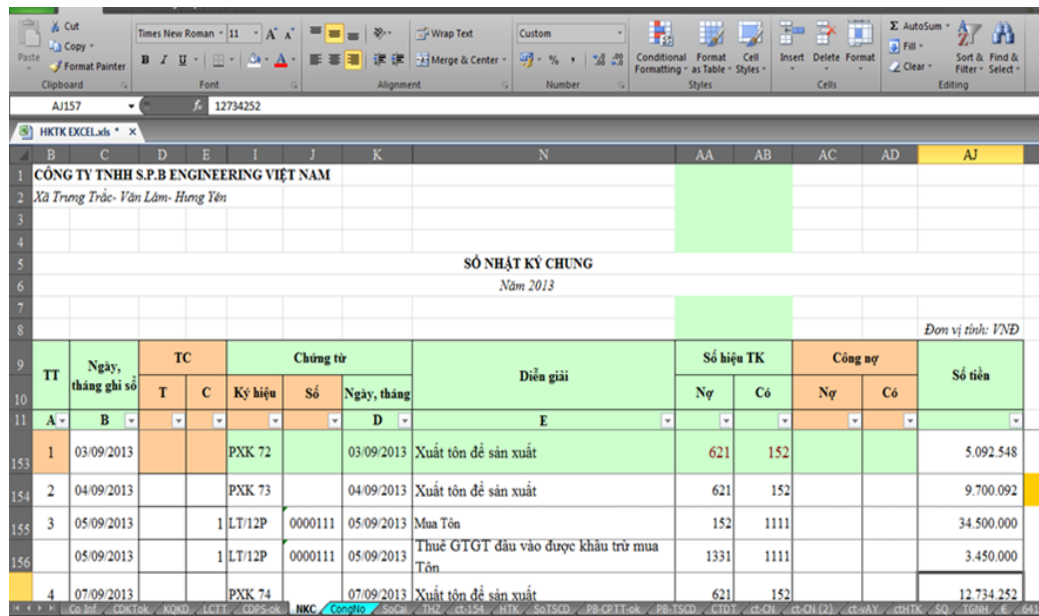
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung của Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam



Ghi chú:

- + Ghi hàng ngày →
- + Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇨
- + Quan hệ đối chiếu kế toán ↔

Bảng 2.1: Phần mềm kế toán trên excel



TT	Ngày, tháng ghi số	TC		Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK		Công nợ		Số tiền
		T	C	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có	
1	03/09/2013			PXK 72		03/09/2013	Xuất tôn để sản xuất	621	152			5.092.548
2	04/09/2013			PXK 73		04/09/2013	Xuất tôn để sản xuất	621	152			9.700.092
3	05/09/2013			1 LT/12P	0000111	05/09/2013	Mua Tôn	152	1111			34.500.000
4	05/09/2013			1 LT/12P	0000111	05/09/2013	Thuê GTGT đầu vào được khấu trừ mua Tôn	1331	1111			3.450.000
4	07/09/2013			PXK 74		07/09/2013	Xuất tôn để sản xuất	621	152			12.734.252

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

2.2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu

2.2.1.1. Đặc điểm của nguyên vật liệu

Ở mỗi loại ngành nghề đều có những đặc thù riêng biệt và ngành sản xuất các thiết bị ống thông gió- thông khí, ống điều hoà cũng vậy. Do đó để sản xuất được hệ thống ống thông gió- thông khí, ống điều hoà Công ty sử dụng nguyên vật liệu chính chủ yếu là tôn (tôn mạ kẽm). Với một lớp kẽm mỏng được phủ lên bề mặt kim loại bằng quá trình nhúng nóng, các sản phẩm tôn mạ kẽm được bảo vệ cách ly khỏi môi trường xung quanh để hạn chế chống rỉ sét, bảo đảm độ bền cho tôn. Bên cạnh đó tôn mạ kẽm có thể thích nghi với nhiều loại môi trường và ứng dụng khác nhau. Công ty sử dụng tôn có kiểu dáng dạng phẳng dày 0,33 mm khổ 1,2 m có trọng lượng 25 kg/m.

Ngoài ra để góp phần tạo nên một sản phẩm hoàn chỉnh cũng cần có các nguyên vật liệu phụ như: Ống nhựa PVC, giấy cứng, mút, keo, giấy bóng.....

Đặc điểm chung về nguyên vật liệu trong Công ty là dễ bị ăn mòn hay còn gọi là oxi hóa, ẩm mốc do tác động của môi trường ảnh hưởng tới chất lượng của nguyên vật liệu vì vậy Công ty cần có những biện pháp bảo quản, dự trữ nguyên vật liệu một cách

hợp lý tránh để hao hụt thất thoát, giảm chất lượng và đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời cho sản xuất.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty

Công ty đã tiến hành phân loại NVL trên cơ sở công dụng kinh tế và vai trò của từng loại NVL đối với quá trình sản xuất sản phẩm. Nhờ có sự phân loại này mà kế toán NVL có thể theo dõi tình hình biến động của từng thứ, loại NVL do đó có thể cung cấp thông tin chính xác và kịp thời cho việc lập kế hoạch thu mua và dự trữ NVL, NVL tại Công ty được phân loại thành các loại chủ yếu sau:

- Nguyên vật liệu chính: Nguyên vật liệu chính là những thứ sau quá trình gia công chế biến sẽ trở thành thực thể chủ yếu của sản phẩm, nó chiếm đến 80% trong tổng giá trị nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm.
- + Tôn: Tôn mạ kẽm được nhập mua từ doanh nghiệp trong nước đòi hỏi chất lượng tốt.
- Vật liệu phụ: Là những vật liệu có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để nâng cao chất lượng sản phẩm: Giấy cứng, ống nhựa PVC, mút, keo, giấy bóng...
- Nhiên liệu, năng lượng: Là những thứ dùng để cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như xăng, dầu.
- Phụ tùng thay thế: Là các chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa và thay thế cho máy móc thiết bị: Ốc vít, bút....
- Phế liệu: Là những vật liệu thu được sau quá trình sản xuất như: Thép vụn, sắt vụn, sơn thừa, ống nhựa thừa, cao su, xốp ...
- Vật liệu khác: Bao gồm các loại vật liệu chưa được kê trên như vật liệu để đóng gói vận chuyển: Thùng giấy, túi, bao bì chứa đựng sản phẩm.

Việc phân loại nguyên vật liệu giúp cho doanh nghiệp tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu dễ dàng hơn và biết được tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu. Ngoài ra còn giúp cho doanh nghiệp nhận biết rõ nội dung kinh tế và vai trò chức năng của từng loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh từ đó đề ra biện pháp thích hợp trong việc tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả các loại nguyên vật liệu.

2.2.2. Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty

Từ những đặc điểm và cách phân loại trên ta thấy nguyên vật liệu có vai trò rất quan trọng trong việc cấu thành nên sản phẩm. Việc cung cấp nguyên vật liệu không đáp ứng được đầy đủ, kịp thời thì kế hoạch sản xuất kinh doanh sẽ bị ảnh hưởng, ngoài ra chất lượng của sản phẩm cũng phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của nguyên vật

liệu làm ra nó. Do đó, để sản xuất được những sản phẩm tốt, thoả mãn được nhu cầu của khách hàng cần phải có những nguyên vật liệu có chất lượng cao, đảm bảo đúng quy cách chủng loại. Vì vậy, cần tổ chức quản lý nguyên vật liệu để đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu và chất lượng sản phẩm.

Ta thấy chi phí nguyên vật liệu chiếm phần không nhỏ trong quá trình sản xuất chiếm khoảng 60-70%. Vì thế việc tập trung quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu từ thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng nhằm hạ thấp chi phí, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu là vấn đề vô cùng quan trọng mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng cần phải quan tâm, trong đó Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam cũng có những sự quản lý chặt chẽ ở các khâu:

Thu mua nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của doanh nghiệp hiện nay đều do mua từ bên ngoài vào, việc thu mua nguyên vật liệu đều có sự tính toán của các nhà lãnh đạo và nhân viên kế toán khi số lượng trong kho còn không nhiều và phụ thuộc vào tình hình chung của thị trường. Có khi do có những đơn đặt hàng đặc biệt lớn thì doanh nghiệp sẽ đặt mua số lượng nguyên vật liệu lớn theo yêu cầu của đơn đặt hàng cho phù hợp. Doanh nghiệp đã ký hợp đồng với các nhà cung cấp tôn, thép, sắt, inox nhiều năm nên tạo được uy tín với nhà cung cấp, vì vậy nguyên vật liệu luôn được cung cấp đúng thời gian và yêu cầu. Ngoài ra, các nguyên vật liệu phụ còn lại như: Giấy cứng, ống nhựa, tôn, mút, keo dán, giấy bóng ... được doanh nghiệp lập kế hoạch mua hàng tháng và giao nhiệm vụ cho người phụ trách chịu trách nhiệm thu mua và bảo quản.

Sử dụng nguyên vật liệu

Doanh nghiệp luôn có sự tính toán tỉ lệ và khuyến khích nhân viên sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu để từ đó giảm chi phí kinh doanh và phần nào tạo nên nếp văn hoá chung cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã xây dựng được định mức tiêu hao cho nguyên vật liệu, tuy nhiên nó chưa được quản lý toàn diện (doanh nghiệp chủ yếu quản lý nguyên vật liệu chính). Bên cạnh đó doanh nghiệp chưa có những biện pháp để tổ chức quản lý thu hồi phế liệu sao cho hợp lý.

Dự trữ bảo quản nguyên vật liệu

Đảm bảo dự trữ một lượng nhất định vừa đủ để quá trình sản xuất không bị gián đoạn, nghĩa là phải dự trữ sao cho không vượt quá mức dự trữ tối đa, đảm bảo cho quá trình sản xuất thường xuyên liên tục tránh tình trạng ngừng trệ sản xuất vì thiếu nguyên vật liệu.

2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty

Tính giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định. Thông thường, kế toán nhập xuất vật liệu phản ánh theo giá thực tế. Việc

tính giá nguyên vật liệu là khâu quan trọng trong tổ chức kế toán vật liệu. Phương pháp tính giá hợp lý sẽ có tác dụng rất lớn trong sản xuất kinh doanh, trong việc sử dụng và hạch toán vật liệu.

Trong phạm vi khoá luận, em chọn nguyên vật liệu là “tôn” làm ví dụ minh họa, và đây cũng là nguyên vật liệu chính được sử dụng nhiều trong doanh nghiệp, số liệu minh họa được trích từ số liệu tháng 9/2013.

– Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu chủ yếu được mua ngoài nhập kho và từ các nguồn trong nước. Doanh nghiệp tính giá nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị thực tế} & & \text{Trị giá mua ghi} & & \text{Chi phí phát} & & \text{Các khoản giảm giá} \\ \text{NVL nhập kho} & = & \text{trên hoá đơn} & + & \text{sinh khi mua} & - & \text{chiết khấu thương} \\ & & & & & & \text{mại (nếu có)} \end{array}$$

Trong đó :

Trị giá mua ghi trên hoá đơn: Doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế GTGT nên không được tính thuế GTGT vào giá thực tế của nguyên vật liệu.

Chi phí phát sinh khi mua: Bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại bảo hiểm, chi phí thuê kho, thuê bãi.

Ví dụ: Ngày 14/09/2013 Chị Hạnh ở Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam mua của Công ty TNHH Thép Tân Hoàng Giang 725 Kg tôn (tôn mạ kẽm) với đơn giá chưa có thuế GTGT là 25.000 đồng/kg. Thuế GTGT 10% (Theo hoá đơn số 0000120 của Công ty TNHH Thép Tân Hoàng Giang). Chi phí vận chuyển bốc dỡ do bên mua chịu là 1.210.750 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%), tiền hàng và chi phí vận chuyển đã thanh toán bằng tiền mặt.

Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế tôn nhập kho} &= \text{Giá mua} + \text{Chi phí vận chuyển (không có thuế GTGT)} \\ &= \text{Số lượng} * \text{Đơn Giá} + \text{Chi phí vận chuyển} \\ &= 725 * 25.000 + 1.210.750 \text{ đồng} \\ &= 19.335.750 \text{ đồng} \end{aligned}$$

– Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam, NVL được tính giá theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập. Phương pháp này vừa chính xác vừa cập nhật, thường sử dụng cho các doanh nghiệp có ít loại nguyên vật liệu và số lượng

nhập kho không nhiều vì cứ sau mỗi lần nhập một nguyên vật liệu nào đó kế toán phải tính đơn giá bình quân cho nguyên vật liệu.

Ví dụ: Các nghiệp vụ nhập- xuất- tồn tại Công ty trong tháng 9

Bảng 2.2: Các nghiệp vụ nhập- xuất- tồn tồn tháng 9

Đơn vị tính: Kg

Ngày tháng	Chứng từ	Nội dung	Đơn giá	Nhập (số lượng)	Xuất (số lượng)	Tồn (Số lượng)
01/09		Tồn đầu kỳ	24.250,23			1.230
03/09	PXK 72	Xuất để sản xuất			210	1.020
04/09	PXK 73	Xuất để sản xuất			400	620
05/09	PNK 65	Nhập mua NVL	23.000	1.500		2.120
07/09	PXK 74	Xuất để sản xuất			545	1.575
09/09	PXK 75	Xuất để sản xuất			790	785
12/09	PXK 76	Xuất cho PX			300	485
14/09	PNK 66	Nhập mua NVL	26.670	725		1.210
19/09	PXK 77	Xuất để sản xuất			225	985
23/09	PXK 78	Xuất để sản xuất			200	785
27/09	PXK 79	Xuất để sản xuất			350	435

Cách tính đơn giá trong tháng 9 theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập được tính như sau:

Bảng 2.3: Bảng tính đơn giá nhập- xuất- tồn tồn trong tháng 9

Ngày tháng	Nhập			Xuất			Tồn		
	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá
01/09							1.230	29.827.783	24.250,23
03/09				210	24.250,23	5.092.548,3	1020	24.735.235	24.250,23
04/09				400	24.250,23	9.700.092	620	15.035.143	24.250,23
05/09	1.500	23.000	34.500.000				2.120	49.535.143	$\frac{49.535.143}{2.120} = 23.366$
07/09				545	23.366	12.734.470	1.575	36.800.673	23.366
09/09				790	23.366	18.459.140	785	18.341.533	23.366
12/09				300	23.366	7.009.800	485	11.331.733	23.366
14/09	725	26.670	19.335.750				1.210	30.667.483	$\frac{30.667.483}{1.210} = 25.345$
19/09				225	25.345	5.702.625	985	24.964.858	25.345
23/09				200	25.345	5.069.000	785	19.895.858	25.345
27/09				350	25.345	8.870.750	435	11.025.108	25.345

2.2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

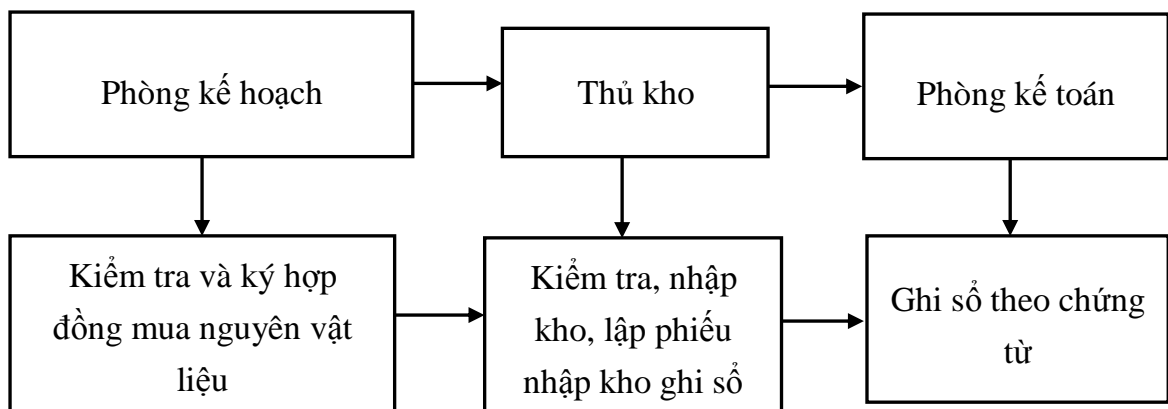
Với công việc chuyên sản xuất và kinh doanh các thiết bị ống điều hoà, ống thông khí thông gió nên có rất nhiều chủng loại khác nhau, đa dạng và phong phú, công việc nhập, xuất diễn ra hằng ngày nên kế toán nguyên vật liệu cần phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu cả về số lượng và chất lượng. Đây là công việc rất quan trọng đòi hỏi kế toán NVL phải mất nhiều công sức, và chú ý. Để thực hiện được tốt kế toán NVL cần phải căn cứ vào các chứng từ kế toán phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất NVL.

2.2.4.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Công ty đã sử dụng những chứng từ trong công tác kế toán NVL sau:

- Phiếu nhập kho vật liệu: Mẫu số 01 -VT
- Phiếu chi: Mẫu 02- TT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư: Mẫu số 05-VT
- Hoá đơn giá trị gia tăng: Mẫu số 01- GTGT

Sơ đồ 2.4: Quy trình nhập kho nguyên vật liệu



(Nguồn: Phòng tài chính- kế toán)

Căn cứ vào nhu cầu thu mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và dự trữ mà nhân viên phòng kế hoạch tiến hành thu mua trực tiếp hoặc ký hợp đồng với nhà cung cấp để mua những nguyên vật liệu cần thiết. Khi nguyên vật liệu về đến Công ty phòng kế hoạch cùng với thủ kho lập biên bản kiểm nghiệm vật tư, nếu nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn thì thủ kho tiến hành lập phiếu nhập kho, nếu không đạt tiêu chuẩn thì báo lại với nhà cung cấp và lãnh đạo để kịp thời xử lý. Phiếu nhập kho được lập thành hai liên (Một liên thủ kho giữ, một liên lưu lại phòng kế toán).

Ngoài ra đối với phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất như: Tôn thừa, nhựa thừa.... được nhập kho chờ thanh lý nhưng không lập phiếu nhập kho. Kế toán chỉ ghi nhận số tiền khi số phế liệu đó được bán.

Bảng 2.4: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá

**Đơn vị: Công ty TNHH S.P.B
Engineering Việt Nam**

Mẫu số: 05 - VT

(Theo QĐ số:15/2006/QĐ- BTC

Bộ phận: Kho tôn

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Ngày 14 tháng 09 năm 2013

Số 567

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0000120 ngày 14 tháng 09 năm 2013 của Công ty TNHH Thép Tân Hoàng Giang

Ban kiểm nghiệm gồm:

Bà: Lã Thị Bích Hạnh Trưởng ban

Ông: Lê Minh Tuấn Ủy viên.

Ông: Cao Hoàng Sơn Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại sau

Số TT	Tên hàng	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Đúng quy cách	Không đúng quy cách	
A	B	D	E	1	2	3	F
01	Tôn	Chọn mẫu	Kg	725	725	0	

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Hàng đủ tiêu chuẩn về số lượng và chất lượng

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đỗ Xuân Minh

Lê Văn Khang

Phan Trọng Tiến

(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)

Bảng 2.5: Hoá đơn GTGT mua nguyên vật liệu

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 14 tháng 09 năm 2013			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: LT/12P Số: 0000120		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THÉP TÂN HOÀNG GIANG Mã số thuế: 0102590453 Địa chỉ: Chợ Yên Thường – Yên Thường – Gia Lâm – Hà Nội Số điện thoại: 043.8800021- 0422171641 Fax: 043.9617024 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Lã Thị Bích Hạnh Tên đơn vị: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số thuế: 0900514897					
STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Tôn	Kg	725	25.000	18.125.000
Thuế GTGT 10%		Cộng tiền hàng			18.125.000
		Tiền thuế GTGT			1.812.500
		Tổng cộng thanh toán			19.937.500
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng.					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)

Bảng 2.6: Hoá đơn GTGT chi phí vận chuyển NVL

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 14 tháng 09 năm 2013			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: TA/11P Số: 0000456		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI 24 GIỜ Mã số thuế: 0105498720 Địa chỉ: Số 64A Ngõ 21 Phố Thanh Am, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội Số điện thoại: (04) 38711245 Fax: (04) 36521130 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam Tên đơn vị: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số thuế: 0900514897					
STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Dịch vụ vận chuyển hàng	Kg	725	91	1.210.750
Thuế GTGT 10%		Cộng tiền hàng			1.210.750
		Tiền thuế GTGT			121.075
		Tổng cộng thanh toán			1.331.825
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn tám trăm hai mươi năm đồng.					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)

Bảng 2.7: Phiếu nhập kho

Đơn vị: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt
Nam
Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm,
Tỉnh Hưng Yên.

Mẫu số: 01 - VT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 14 tháng 09 năm 2013

Nợ TK 152

Số 66

Có TK 111

- Họ và tên người giao: Phan Văn Tuấn
- Theo Hoá đơn GTGT số 0000120 ngày 14 tháng 09 năm 2013 của Công ty TNHH Thép Tân Hoàng Giang.
- Nhập tại kho: Công ty TNHH S.B.P Engineering Việt Nam địa điểm: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tôn	TON	kg	725	725	26.670	19.335.750
	Cộng						19.335.750

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu ba trăm ba mươi năm nghìn bảy trăm năm mươi đồng
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐ 0000120

Ngày 14 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhận)
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)

Bảng 2.8: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam
Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm,
Tỉnh Hưng Yên.

Mẫu số: 01 - VT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 09 năm 2013

Quyển số: 01

Số: 65

Nợ: 152,133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Kim Huyền

Địa chỉ:

Lý do chi: Thanh toán tiền mua tôn của Công ty TNHH THÉP TÂN HOÀNG GIANG

Số tiền: 19.937.500 (viết bằng chữ): Mười chín triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng

Kèm theo: 01 Hoá đơn GTGT 0000120 (chứng từ gốc)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng

Ngày 14 tháng 09 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng tài chính - kế toán)

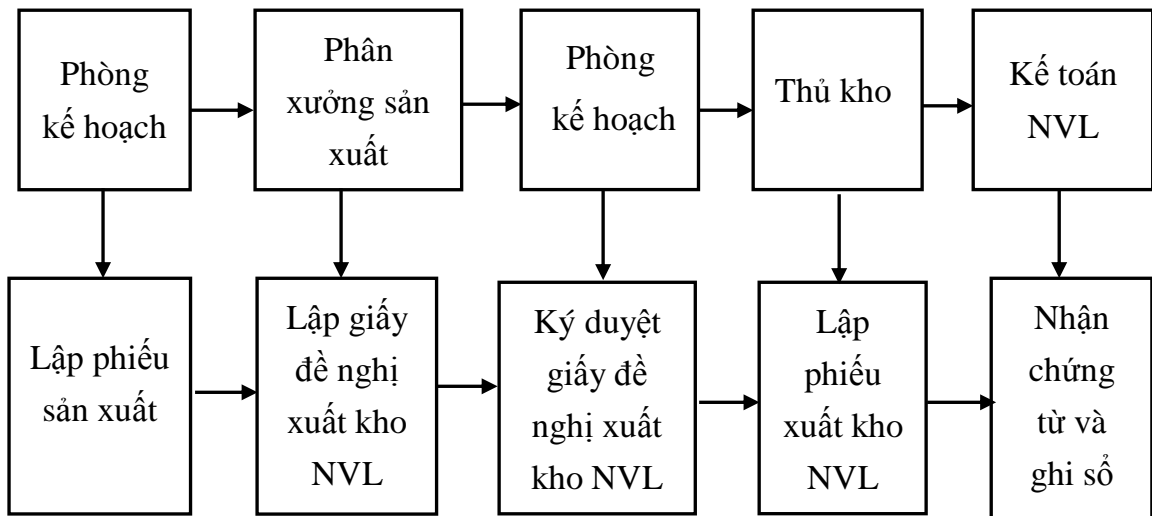
Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Khi xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất doanh nghiệp sử dụng những chứng từ sau:

- Giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu
- Phiếu xuất kho vật liệu: Mẫu số 02-VT

Quy trình xuất kho nguyên vật liệu được thể hiện ở sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.5: Quy trình xuất kho nguyên vật liệu



(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)

Khi Công ty có đơn đặt hàng phòng kế hoạch sẽ tiến hành lập phiếu sản xuất gồm mã hàng và số lượng, sau đó chuyển cho phân xưởng sản xuất. Phân xưởng sản xuất sẽ tính toán số liệu vật liệu cần thiết và lập giấy đề nghị xuất vật tư để đưa ra số lượng nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất rồi gửi lên phòng kế hoạch. Sau khi ký duyệt giấy đề nghị xuất vật tư, phòng kế hoạch sẽ gửi cho thủ kho.

Thủ kho căn cứ vào giấy tờ đề nghị xuất nguyên vật liệu, tiến hành xuất kho và lập phiếu xuất kho nguyên vật liệu rồi gửi lên phòng kế toán. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển lên phòng kế toán.

Liên 3: Lưu cùng lệnh xuất kho.

Bảng 2.9: Phiếu sản xuất

Đơn vị: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Bộ phận: Phòng kế hoạch

PHIẾU SẢN XUẤT

Ngày 19 tháng 09 năm 2013

Lý do lập phiếu: Theo đơn đặt hàng

Người nhận phiếu: Nguyễn Văn Hưng

STT	Tên hàng	Ký hiệu	Mã hàng	Đơn vị	Khối lượng
01	Ống thông gió	TG	H23	Chiếc	45
02	Ống điều hoà	ĐH	A13	Chiếc	56
	Cộng				101

Ngày 19 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng tài chính- kế toán)

Bảng 2.10: Giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Bộ phận: Phân xưởng sản xuất

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT KHO HÀNG HOÁ, VẬT TƯ

Ngày 19 tháng 09 năm 2013

Người đề nghị: .Lê Minh Sơn

Ban/ Phòng/Đơn vị:

Lý do xuất kho: Sản xuất sản phẩm

TT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
01	Tôn	kg	225	
02	Ống nhựa PVC loại	Mét	115	
03	Bìa cứng	Mét	150	
04	Keo dính	Tuýp	20	

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Người đề nghị

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng tài chính - kế toán)

Bảng 2.11: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm,

Tỉnh Hưng Yên.

Mẫu số: 02 - VT
(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 09 năm 2013

Số 77

Nợ TK 621

Có TK 152

- Họ và tên người nhận hàng: Anh Sơn - Địa chỉ (bộ phận): sản xuất
- Lý do xuất kho: Sản xuất sản phẩm
- Xuất tại kho (ngăn lô): Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Tôn		kg	225	225	25.345	5.702.625
02	Ống nhựa PVC loại 1		Mét	115	115	9364	1.076.860
03	Bìa cứng		Mét	150	150	8700	1.305.000
04	Keo dính		tuýp	20	20	15.000	300.000
	Cộng						8.384.485

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Tám triệu ba trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi năm đồng.

Ngày 19 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng tài chính - kế toán)

2.2.4.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Để phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu, kho hàng của Công ty và để hạch toán đạt hiệu quả cao, Công ty đã thực hiện hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp “ghi thẻ song song”. Phương thức hạch toán ở Công ty được thực hiện theo trình tự sau:

Tại kho:

Thủ kho dùng “thẻ kho” (Bảng 2.12– trang 46) để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu ở từng kho về mặt số lượng. Mỗi loại nguyên vật liệu được ghi trên một thẻ kho, thẻ kho được mở trên một tờ hoặc một sổ tờ, chứng từ được ghi vào thẻ kho trên một dòng dựa trên số lượng thực nhập, xuất.

Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào phiếu nhập, xuất, và thẻ kho. Cuối ngày thủ kho tính ra số tồn để ghi vào cột “tồn” trên thẻ kho, sau đó định kỳ sẽ chuyển phiếu nhập, xuất kho và các chứng từ có liên quan khác cho phòng kế toán để làm căn cứ hạch toán.

Tại phòng kế toán:

Kế toán mở sổ chi tiết nguyên vật liệu (Bảng 2.13- trang 47) ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của từng loại nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ và vào sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại nguyên vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn vật liệu (Bảng 2.14- trang 48).

Bảng 2.12: Thẻ kho

Đơn vị: Công ty TNHH S.P.B Engineering
Việt Nam

THẺ KHO

Ngày lập thẻ 01 tháng 09 năm 2013

Tờ số 07

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Tôn

Đơn vị tính: Kg, mã số

Số thứ tự	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Tồn đầu tháng 09				1.230	
1	PX 72	03/09	Xuất NVL để sản xuất			210	1.020	
2	PX 73	04/09	Xuất NVL để sản xuất			400	620	
3	PN 65	05/09	Nhập NVL		1.500		2.120	
4	PX 74	07/09	Xuất NVL để sản xuất			545	1.575	
5	PX 75	09/09	Xuất NVL để sản xuất			790	785	
6	PX 76	12/09	Xuất NVL cho PX			300	485	
7	PN 66	14/09	Nhập NVL		725		1.210	
8	PX 77	19/09	Xuất NVL để sản xuất			225	985	
9	PX 78	23/09	Xuất NVL để sản xuất			200	785	
10	PX 79	27/09	Xuất NVL để sản xuất			350	435	
			Cộng phát sinh		2.225	3.020	435	
			Tồn cuối kỳ				435	

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ: 01/09

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính- kế toán)

Bảng 2.13: sổ chi tiết kế toán nguyên vật liệu

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tên tài khoản: 152 Tiểu khoản: 1521 Kho: Nguyên vật liệu

Năm: 2013

Tên vật liệu, quy cách phẩm chất: Tôn

Số T T	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	E	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6	8
										1.230	29.827.783	
01	PX 72	03/09	Xuất NVL để sản xuất	621	24.250,23			210	5.092.548,3	1.020	24.735.235	
02	PX 73	04/09	Xuất NVL để sản xuất	621	24.250,23			400	9.700.092	620	15.035.143	
03	PN 65	05/09	Nhập NVL	331	23.000	1.500	34.500.000			2.120	49.535.143	
04	PX 74	07/09	Xuất NVL để sản xuất	621	23.366			545	12.734.470	1.575	36.800.673	
05	PX 75	09/09	Xuất NVL để sản xuất	621	23.366			790	18.459.140	785	18.341.533	
06	PX 76	12/09	Xuất NVL cho PX	627	23.366			300	7.009.800	485	11.331.733	
07	PN 66	14/09	Nhập NVL	111	26.670	725	19.335.750			1.210	30.667.483	
08	PX 77	19/09	Xuất NVL để sản xuất	621	25.345			225	5.702.625	985	24.964.858	
09	PX 78	23/09	Xuất NVL để sản xuất	621	25.345			200	5.069.000	785	19.895.858	
10	PX 79	27/09	Xuất NVL để sản xuất	621	25.345			350	8.870.750	435	11.025.108	
			Cộng phát sinh			2.225	53.835.750	3.020	72.638.425,3			
			Tồn cuối tháng năm		25.345					435	11.025.108	

Bảng 2.14: Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu

Đơn vị : Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU CHÍNH

Kho: Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Tháng 09 năm 2013

STT	Tên Vật Tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
01	Tôn	Kg	1.230	29.827.783	2.225	53.835.750	3.020	72.638.425,3	435	11.025.108
02	Nhựa PVC loại 1	Mét	1200	7.080.000	3500	20.650.000	2530	14.927.000	2.170	12.803.000
03	Bìa cứng	Mét	250	2.162.500	550	4.785.000	650	5.644.600	150	1.302.900
04	Keo dính	Tuýp	50	700.000	70	1.050.000	100	1.458.300	20	291.700

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Kế Toán Trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Engineering Việt Nam

Công ty TNHH S.B.P Engineering Việt Nam đã lựa chọn sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu vì phương pháp này theo dõi phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình biến động nhập- xuất- tồn của nguyên vật liệu trên sổ sách kế toán, do đó giá trị nguyên vật liệu có thể xác định bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

Hiện nay Công ty đang thực hiện hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo hình thức Nhật ký chung.

2.2.5.1. Tài khoản sử dụng

Nguyên liệu, vật liệu liên quan đến nhiều hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh, do đó bên cạnh tài khoản phản ánh nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu sử dụng rất nhiều tài khoản ở các phần hành khác nhau. Các tài khoản được sử dụng chủ yếu là:

- Tài khoản 152- Nguyên vật liệu. TK này phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm NVL theo giá trị vốn thực tế. Tài khoản 152 Công ty mở chi tiết thành các TK cấp 2 theo từng loại, nhóm, thứ, vật liệu như sau:
 - + TK 1521: Nguyên vật liệu chính.
 - + TK 1522: Nguyên vật liệu phụ.
 - + TK 1523: Nhiên liệu.
 - + TK 1524: Phụ tùng thay thế.
 - + TK1525: Phế liệu thu hồi
- Tài khoản 133- Thuế GTGT được khấu trừ
- Tài khoản 331- Phải trả người bán

Ngoài ra trong quá trình kế toán tổng hợp còn sử dụng các tài khoản khác như: 111, 112, 141, 331,....

2.2.5.2. Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu

Cùng với việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu là công cụ quan trọng đối với công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu ở Công ty được tiến hành theo phương pháp kê khai thường xuyên. Việc nhập- xuất- tồn kho nguyên vật liệu được phản ánh thường xuyên, liên tục trên các tài khoản và sổ kế toán.

Đối với vật liệu mua về nhập kho, yêu cầu phải phản ánh được đầy đủ, chính xác giá thực tế của nguyên vật liệu, kế toán sẽ căn cứ vào các chứng từ cần thiết để tiến hành hạch toán vật liệu.

Trường hợp hàng đang đi đường

Trường hợp Công ty đã chấp nhận mua hàng nhưng đến cuối kỳ hàng vẫn chưa về được đến kho, kế toán căn cứ vào Hoá đơn mua hàng để tiến hành ghi sổ.

Ví dụ:

Ngày 23/09 Công ty tiến hành mua 895 kg tôn đơn giá (chưa thuế GTGT 10%) 24.000 đồng của Công ty TNHH Posco, đến cuối tháng ngày 30/09 hàng vẫn chưa về nhập kho, kế toán căn cứ vào Hoá đơn AT/12P, 0000955 ngày 30/09 về việc mua hàng của Công ty TNHH Posco ghi:

Nợ TK 151	21.480.000
Nợ TK 133	2.148.000
Có TK 331	23.628.000

Trường hợp Công ty nhập nguyên vật liệu mua ngoài trả ngay bằng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các chứng từ cần phải hợp lý, hợp pháp đối với các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng. Khi có nghiệp vụ nhập mua nguyên vật liệu thanh toán ngay cho người bán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phát sinh kế toán căn cứ vào các chứng từ như phiếu chi tiền, hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để tiến hành ghi sổ Nhật ký chung.

Ví dụ:

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0000120, phiếu chi tiền mặt số 65 ngày 14/09/2013, phiếu nhập kho số 66 về số Tôn thuộc Công ty TNHH Thép Tân Hoàng Giang, số tiền 19.937.500, trong đó có 1.812.500 đồng là thuế GTGT, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 152	18.125.000
Nợ TK 133	1.812.500
Có TK 111	19.937.500

Ngoài ra để mua Tôn ngày 14/09/2013, Công ty phải trả chi phí vận chuyển theo hoá đơn GTGT số 0000456 của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải 24 Giờ, phiếu chi tiền mặt số 66 ngày 14/09/2013 số tiền là 1.331.825 đồng trong đó có 121.075 đồng là tiền thuế GTGT, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 152	1.210.750
Nợ TK 133	121.075
Có TK 111	1.331.825

Trường hợp Công ty nhập nguyên vật liệu mua ngoài chưa thanh toán cho người bán.

Ví dụ:

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0000111, ngày 05/09/2013, phiếu nhập kho số 65 về số Tôn thuộc Công ty TNHH Thép Tân Hoàng Giang, số tiền 37.950.000, trong đó có 3.450.000 đồng là thuế GTGT, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 152	34.500.000
Nợ TK 133	3.450.000
Có TK 331	37.950.000

2.2.5.3. Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này số liệu vừa chính xác vừa cập nhật và quá trình hạch toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu được diễn ra thường xuyên. Nguyên vật liệu của Công ty nhập về chủ yếu là để phục vụ sản xuất sản phẩm, phân xưởng chứ không dùng phục vụ cho quản lý bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Khi có nghiệp vụ phát sinh, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung.

Đối với nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất sản phẩm

Kế toán sử dụng chứng từ là phiếu sản xuất do phòng kế hoạch sản xuất lập, giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu do phân xưởng lập và phiếu xuất kho do thủ kho lập. Định kỳ, căn cứ vào các chứng từ, kế toán tiến hành định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu vụ sản xuất.

Ví dụ:

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 77 ngày 19 tháng 09 năm 2013 về việc xuất nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm, theo tổng giá trị là 5.702.625 đồng, kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung như sau:

Nợ TK 621	5.702.625
Có TK 152	5.702.625

Đối với nguyên vật liệu xuất kho dùng cho phân xưởng.

Khi bên phân xưởng có nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu thì họ sẽ viết giấy đề nghị xuất vật tư để Giám đốc ký duyệt, sau đó phòng kế toán sẽ viết Lệnh xuất kho, căn cứ vào đó thủ kho tiến hành lập phiếu xuất kho và xuất kho nguyên vật liệu.

Ví dụ:

Ngày 12/09 căn cứ vào phiếu xuất kho số 76, Công ty xuất 300 kg tôn dùng cho phân xưởng kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 627	7.009.800
Có TK 152	7.009.800

2.2.6. Kiểm kê và lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.6.1. Kiểm kê nguyên vật liệu

Kiểm kê vật liệu là một biện pháp nhằm bổ sung và kiểm tra hiện trạng vật liệu mà các phương pháp kế toán chưa phản ánh được. Thông qua kiểm kê doanh nghiệp nắm được thực trạng của vật liệu cả về số lượng và chất lượng ngăn ngừa hiện tượng tham ô lãng phí có biện pháp kịp thời xử lý những hiện tượng tiêu cực nhằm quản lý tốt vật liệu.

Tuỳ theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp kiểm kê có thể được thực hiện theo phạm vi toàn Công ty hay từng bộ phận, đơn vị, kiểm kê định kỳ hay kiểm kê bất thường.

Khi kiểm kê, Công ty phải thành lập hội đồng hoặc ban kiểm kê, Hội đồng một ban kiểm kê phải có thành phần đại diện lãnh đạo, những người chịu trách nhiệm vật chất về bảo vệ vật liệu, phòng kế toán và đại diện nhân viên của doanh nghiệp. Khi kiểm kê phải thực hiện cân đo, đong, đếm và phải lập biên bản kiểm kê (mẫu 08- VT) xác định số chênh lệch giữa số liệu thực kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, trình bày ý kiến xử lý chênh lệch.

Nhìn chung công tác quản lý nguyên vật liệu của Công ty là khá tốt nên không có trường hợp mất mát, thiếu hụt hay bị hư hỏng.

Ví dụ: Theo kết quả kiểm kê ngày 30/09/2013. Hội đồng kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật liệu như sau:

Bảng 2.15: Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá sản phẩm

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ SẢN PHẨM

Đơn vị:

Bộ phận:

Mẫu số 08 – VT

(Ban hành theo QĐ số 15- TC/QĐ/CĐKT

ngày 20/06 /2006 của Bộ trưởng BTC)

- Thời điểm kiểm kê: Ngày 30 tháng 09 năm 2013

- Ban kiểm kê gồm:

Ông/ Bà: Lê Minh Tuấn

Trưởng ban

Ông/ Bà: Lã Thị Bích Hạnh

Ủy viên

Ông/ Bà: Cao Hoàng Sơn

Ủy viên

- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

S T T	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư, hàng hoá, sản phẩm	Mã Số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng		
					SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SL	TT	SL	TT			
1	Tôn	Ton	kg	25.345	435	11.025.108	435	11.025.108	0	0	0	0	X		
.....															
	Tổng cộng					11.025.108		11.025.108							

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám Đốc

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng tài chính- kế toán)

Theo biên bản kiểm kê nguyên vật liệu chính tháng 09/2013 thì số lượng tồn trong kho còn tốt 100% không chênh lệch thừa thiếu giữa sổ sách và kết quả kiểm kê, điều đó là nhờ Công ty có hệ thống kho tốt, phương pháp quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ, có hiệu quả.

2.2.6.2. Lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tại Công ty

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán, các doanh nghiệp thường thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tuy nhiên trên thực tế dựa vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mình mà các Công ty luôn cân nhắc nên hay không nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam cũng vậy do quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhỏ, ít xảy ra biến động, nguyên vật liệu sản xuất trong thời gian ngắn thường là theo đơn đặt hàng thì tiến hành mua nguyên vật liệu, nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cũng như dự phòng giảm giá các khoản khác.

Đơn vị : Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Trích tháng 09

Trang.....

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu Tài khoản	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang			XXX	XXX
...
03/09	PX 72	03/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621	5.092.548,3	
				X	152		5.092.548,3
04/09	PX 73	04/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621	9.700.092	
					152		9.700.092
.....
05/09	PN 65	05/09	Mua tôn của Công ty Tân Hoàng Giang	X	152	34.500.000	
				X	133	3.450.000	
				X	331		37.950.000
.....
07/09	PX 74	07/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621	12.734.470	
				X	152		12.734.470
09/09	PX 75	09/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621	18.459.140	
				X	152		18.459.140

12/09	PX 76	12/09	Xuất tôn cho PX	X	627	7.009.800	
				X	152		7.009.800
.....
14/09	PN 66	14/09	Mua tôn của Công ty	X	152	18.125.000	
			Tân Hoàng Giang	X	133	1.812.500	
				X	111		19.937.500
14/09	PC 65	14/09	Chi phí vận chuyển	X	152	1.210.750	
			mua tôn	X	133	121.075	
				X	111		1.331.825
.....							
19/09	PX 77	19/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621	5.702.625	
				X	152		5.702.625
23/09	PX 78	23/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621	5.069.000	
				X	152		5.069.000
23/09		23/09	Mua NVL của Công ty TNHH	X	151	21.480.000	
			Posco	X	133	2.148.000	
				X	331		23.628.000
.....							
27/09	PX 79	27/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621	8.870.750	
				X	152		8.870.750

gười ghi sổ
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

Năm 2013

Trích tháng 09

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Trang.....

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang Nhật kỳ	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			29.827.783	
...
03/09	PX 72	03/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621		5.092.548,3
04/09	PX 73	04/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621		9.700.092
.....
05/09	PN 65	05/09	Mua tôn của Công ty Tân Hoàng Giang	X	331	37.950.000	
.....
07/09	PX 74	07/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621		12.734.470
...
09/09	PX 75	09/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621		18.459.140
.....
12/09	PX 76	12/09	Xuất tôn cho PX	X	627		7.009.800
14/09	PN 66	14/09	Mua tôn của Công ty Tân	X	111	18.125.000	

			Hoàng Giang				
14/09	PC 65	14/09	Chi phí vận chuyển	X	111	1.210.750	
.....
.....
19/09	PX 77	19/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621		5.702.625
.....
23/09	PX 78	23/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621		5.069.000
.....
.....
27/09	PX 79	27/09	Xuất tôn để sản xuất	X	621		8.870.750
.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH S.P.B ENGINEERING VIỆT NAM

Chương 1 và chương 2 trên đây là toàn bộ thực tế về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam. Qua những nghiên cứu và tìm hiểu chúng ta có thể thấy được những mặt tích cực và một số còn tồn tại nhất định trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty. Do đó để công tác kế toán nguyên vật liệu được hoàn thiện hơn thì nội dung của Chương 3 sẽ đưa ra những nhận xét, đánh giá chung và một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam

Tuy là một doanh nghiệp nhỏ thành lập chưa bao lâu tại Việt Nam vẫn còn nhiều lạ lẫm với phong tục tập quán, thị hiếu tiêu dùng của người Việt nhưng Công ty đã cố gắng không ngừng phát triển vươn lên để trở thành một Công ty có quy mô sản xuất, trình độ quản lý và có thể đứng như hiện nay. Từ chỗ cơ sở vật chất còn nghèo nàn lạc hậu, lao động thủ công là chủ yếu đến nay Công ty đã áp dụng các máy móc thiết bị hiện đại vào sản xuất cùng những công nhân lành nghề, có trình độ cao để sản xuất ra những sản phẩm ngày càng được ưa chuộng trên thị trường.

Cùng với sự lớn mạnh về cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ quản lý của Công ty cũng từng bước được nâng cao và hoàn thiện. Trong cơ chế thị trường hiện nay, sự linh hoạt và nhạy bén trong công tác quản lý kinh tế, quản lý sản xuất đã thực sự trở thành đòn bẩy mạnh mẽ cho quá trình phát triển của Công ty. Trong đó không thể không kể tới sự đóng góp của bộ phận kế toán nói chung và của kế toán nguyên vật liệu nói riêng.

Được sự giúp đỡ tận tình và tạo điều kiện của Ban lãnh đạo cùng các cô chú trong phòng Tài chính- Kế toán trong thời gian thực tập tại Công ty em đã được làm quen và tiếp cận thực tế với công tác quản lý, công tác kế toán, dưới góc độ là một sinh viên thực tập em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét chung về công tác quản lý và kế toán nguyên vật liệu tại Công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức hợp lý, có nguyên tắc, kế toán trưởng luôn bảo đảm được sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty, các cán bộ phòng kế toán được đào

tạo một cách bài bản và chuyên môn sâu, giúp cho qua trình làm việc được thuận lợi và nhanh chóng. Không những vậy mà các cán bộ kế toán luôn luôn học hỏi và nâng cao trình độ của mình nên tránh được tình trạng lạc hậu và không theo kịp những thay đổi của thị trường.

Về công tác quản lý

Là một doanh nghiệp sản xuất tuy nhiên nguyên vật liệu của Công ty không đa dạng, chủ yếu là tôn nhưng không vì thế mà Công ty bỏ bê việc quản lý nguyên vật liệu mặt khác nó lại được quản lý một cách chặt chẽ, Công ty đưa ra các nội quy về việc quản lý NVL trong kho, tại nơi sản xuất, trách nhiệm của thủ kho... Trong mỗi nội quy lại quy định rõ thủ tục nhập- xuất NVL hàng ngày, việc sử dụng NVL tại nơi sản xuất, những người có trách nhiệm nếu xảy ra hao hụt quá định mức, các biện pháp bảo quản từng loại vật liệu trong kho.

Chính vì có những quy định như vậy, việc quản lý vật liệu ở Công ty đã diễn ra khá chặt chẽ, nhịp nhàng từ khâu thu mua, bảo quản, sử dụng. Nhìn chung trong Công ty tinh thần trách nhiệm của thủ kho cũng như trách nhiệm của các tổ trưởng và công nhân sản xuất đối với việc quản lý vật liệu rất cao, tình trạng xảy ra hao hụt ngoài định mức rất hiếm.

- + Về khâu thu mua: Công ty đã ký hợp đồng với các Công ty có uy tín, vật tư có chất lượng cao, đúng chủng loại, giá cả hợp lý và đáp ứng được nhu cầu thu mua. Bên cạnh đó Công ty còn có đội ngũ cán bộ thu mua linh hoạt, am hiểu chất lượng và thị trường giá cả nên việc thu mua tương đối ổn định, đảm bảo cung cấp vật liệu trong quá trình sản xuất đúng tiến độ và đúng kế hoạch và mang lại thuận lợi trong sản xuất.
- + Dự trữ, bảo quản NVL là rất cần thiết, do đó mà Công ty đã thực hiện rất tốt về vấn đề này. Cụ thể: Công ty luôn dự trữ vật liệu ở mức hợp lý, xây dựng định mức vật liệu tối đa và tối thiểu để đảm bảo quá trình sản xuất không ngừng trệ, không gây lãng phí vốn và giải phóng vốn lưu động đáng kể. Bên cạnh đó hệ thống kho tàng của Công ty được xây dựng khá tốt, phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty, tránh được tổn thất lãng phí, đảm bảo an toàn kho vật tư, hàng hoá.
- + Khâu sử dụng: Doanh nghiệp cần tính toán đầy đủ, chính xác, kịp thời giá nguyên vật liệu có trong giá vốn của thành phẩm. Do vậy trong khâu sử dụng phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

Về công tác kế toán

- + Công ty áp dụng hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên là hợp lý, đáp ứng được việc theo dõi thường xuyên tình hình biến động của nguyên vật liệu. Bên cạnh đó để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu Công ty đã áp dụng phương pháp ghi thẻ song song, phương pháp này khá đơn giản, dễ thực hiện đảm bảo khả năng so sánh số liệu giữa kho với phòng kế toán, đảm bảo khả năng cung cấp thông tin nhanh và chính xác bất cứ lúc nào khi nhà quản lý doanh nghiệp cần. Hình thức này phù hợp với tình hình đặc điểm tổ chức kinh doanh của Công ty.
- + Sổ sách chứng từ: Hệ thống chứng từ kế toán của Công ty được lập theo đúng chế độ, quy trình luân chuyển chứng từ hợp lý, đảm bảo tính kịp thời của số liệu, đảm bảo tính chặt chẽ, giúp cho Ban lãnh đạo quản lý dễ dàng hơn. Cụ thể: Thủ tục nhập, xuất kho được thể hiện khá đầy đủ, rõ ràng tuân theo từng bước cụ thể đối với NVL. Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,được Công ty quy định một cách rõ ràng và theo đúng quy định đã ban hành. Việc theo dõi nhập, xuất kho vật liệu được tổ chức khá chặt chẽ, có sự kết hợp giữa kho và phòng kế toán để đảm bảo chính xác và đầy đủ số liệu.
- + Hệ thống tài khoản được mở phù hợp với yêu cầu quản lý và hạch toán NVL của Công ty.
- + Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty là hình thức Nhật ký chung. Hình thức sổ này phù hợp với quy mô và trình độ kế toán của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các phần hành thực hiện hiệu quả hơn.

3.1.2. Những tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam còn một số tồn tại cần được hoàn thiện và khắc phục sau:

Thứ nhất về thu mua nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu Công ty mua về chưa có sự sắp xếp và bảo quản ngăn nắp, khoa học chính vì vậy gây khó khăn cho việc cung cấp nguyên vật liệu vào quá trình sản xuất, tốn kém thời gian chọn lọc, bên cạnh đó thì việc dự trữ nguyên vật liệu còn hạn chế đôi khi gây gián đoạn trong quá trình sản xuất vẫn chưa được khắc phục.

Thứ hai về tổ chức thu hồi phế liệu

Công ty chưa có những biện pháp để tổ chức quản lý thu hồi phế liệu sao cho hợp lý. Tại Công ty những phế liệu thu hồi được nhập kho nhưng kế toán không ghi sổ, không làm thủ tục nhập kho điều này dẫn tới tình trạng mất mát hao hụt phế liệu làm thất thoát nguồn của Công ty.

Thứ ba về sổ danh điểm nguyên vật liệu

Để công tác quản lý nguyên vật liệu được chặt chẽ các công ty thường lập sổ danh điểm nguyên vật liệu, tuy nhiên Công ty TNHH S.P.B Engineering lại không lập sổ danh điểm nguyên vật liệu để phục vụ cho việc quản lý theo dõi tình hình nhập-xuất nguyên vật liệu.

Thứ tư về phần mềm kế toán tại Công ty

Công ty sử dụng phần mềm kế toán excel đây là phần mềm còn nhiều hạn chế và chưa thông dụng cho quá trình hạch toán kế toán, hiện nay trên thị trường có nhiều phần mềm kế toán chuyên dụng, đảm bảo phục vụ cho nhu cầu quản lý kế toán đa dạng về quy mô, hình thức sở hữu và tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi Công ty.

Thứ năm về kiểm kê nguyên vật liệu

Việc kiểm kê nguyên vật liệu là công việc rất quan trọng đối với cả nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ nhưng Công ty chỉ tiến hành kiểm kê nguyên vật liệu chính mà không tiến hành kiểm kê nguyên vật liệu phụ, vì vậy nếu nguyên vật liệu phụ dễ bị thất thoát, thiếu hụt nếu kế toán nguyên vật liệu không biết sẽ ảnh hưởng tới tài sản của doanh nghiệp.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Engineering Việt Nam.

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã làm được, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho Công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu với lý luận thực tiễn, em xin đề xuất một số ý kiến. Theo em Công ty cần có những biện pháp khắc phục những hạn chế trên để làm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

Ý kiến thứ nhất thu mua nguyên vật liệu

Việc quản lý và hạch toán từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ đến đưa vào sản xuất kinh doanh NVL vẫn đảm bảo cho quá trình diễn ra nhưng thực tế quan sát cho thấy việc sắp xếp, bảo quản vật tư chưa thực sự ngăn nắp, khoa học điều đó ít nhiều gây khó khăn cho việc bảo đảm cung cấp vật liệu cho sản xuất để khắc phục tình trạng này Công ty nên thực hiện một số biện pháp sau:

Công việc bố trí sắp xếp NVL theo từng loại, từng đặc điểm và tính năng sử dụng NVL một cách phù hợp, đảm bảo thuận lợi khi cần thiết, không tốn thời gian, Công ty cũng nên cân đối lại kế hoạch thu mua một cách hợp lý để hạn chế việc thu mua lẻ thành nhiều lần dẫn tới phải chịu các khoản thuế, rủi ro về giá cả tăng cao, phải biết tính toán phù hợp với quy trình sản xuất tránh tình trạng gây lãng phí về NVL, đồng

thời bộ phận kế hoạch của Công ty nên có một khoản dự trữ nhất định để tránh được gián đoạn trong sản xuất, nhằm đáp ứng được nhu cầu mong đợi của khách hàng.

Ý kiến thứ hai là tổ chức thu hồi phế liệu

Kế toán nguyên vật liệu nên tiến hành các thủ tục nhập kho phế liệu thu hồi, ở Công ty phế liệu thu hồi không có phiếu nhập kho kèm theo. Vì thế các cán bộ có trách nhiệm tổ chức cần ước tính giá trị phế liệu thu hồi để làm thủ tục nhập kho. Định kỳ kế toán nguyên vật liệu cũng nhận phiếu nhập kho phế liệu từ thủ kho để vào sổ như đối với nguyên vật liệu. Phiếu nhập kho phế liệu được viết thành 2 liên:

Một liên lưu lại nơi viết

Một liên giao cho thủ kho giữ khi phế liệu đã nhập kho, định kỳ thủ kho giao cho kế toán nguyên vật liệu để vào sổ chi tiết.

Ý kiến thứ ba là xây dựng hệ thống sổ danh điểm nguyên vật liệu

Theo em để quản lý chặt chẽ hơn tình hình nguyên vật liệu của Công ty, để nắm bắt được tình hình xuất - nhập - tồn kho nguyên vật liệu đảm bảo yêu cầu số lượng, chất lượng của vật liệu kế toán phải thường xuyên xuống kho kiểm tra, đối chiếu ghi sổ. Để việc ghi sổ rõ ràng theo dõi được chi tiết các loại vật liệu theo em nên lập sổ danh điểm nguyên vật liệu. Việc mã hoá tên và các vật liệu trong sổ danh điểm phải có sự kết hợp chặt chẽ và sắp xếp thứ tự các loại vật liệu. Trong sổ danh điểm phải có sự thống nhất giữa các phòng ban chức năng bảo đảm tính khoa học, hợp lý, phục vụ chung cho yêu cầu quản lý của Công ty cho việc theo dõi các loại vật liệu.

Để lập sổ danh điểm vật liệu, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được một bộ mã vật liệu chính xác đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào vật liệu.
- Dựa vào sổ nhóm vật liệu trong mỗi loại.
- Dựa vào số thứ tự vật liệu trong mỗi nhóm.
- Dựa vào sổ quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Trước hết bộ mã vật liệu được xây dựng trên cơ sở số hiệu các tài khoản cấp 2 đối với vật liệu.

- TK 1521: Nguyên vật liệu chính.
- TK 1522: Nguyên vật liệu phụ.
- TK 1523: Nhiên liệu.
- TK 1524: Phụ tùng thay thế.
- TK1525: Phế liệu thu hồi

Trong mỗi loại vật liệu ta phân thành các nhóm và lập mã đối tượng cho từng nhóm, ở Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam số nhóm vật liệu trong mỗi loại nên dùng 2 chữ số để hiển thị. Dưới đây là bảng ví dụ về số danh điểm nguyên vật liệu chính:

Bảng 3.1: Sổ danh điểm nguyên vật liệu

SỔ DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU

Loại: Nguyên vật liệu

Ký hiệu: 152

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách NVL	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm NVL				
1521.01	1521.01.01	Tôn	Kg	24.250.23	
.....				
1522.01	1522.01.01	Nhựa PVC loại 1	Mét	5.900	
	1522.01.02	Bìa cứng	Mét	8.650	
	1522.01.03	Keo dính	Mét	14.000	
.....				

Ý kiến thứ tư là phần mềm kế toán tại Công ty

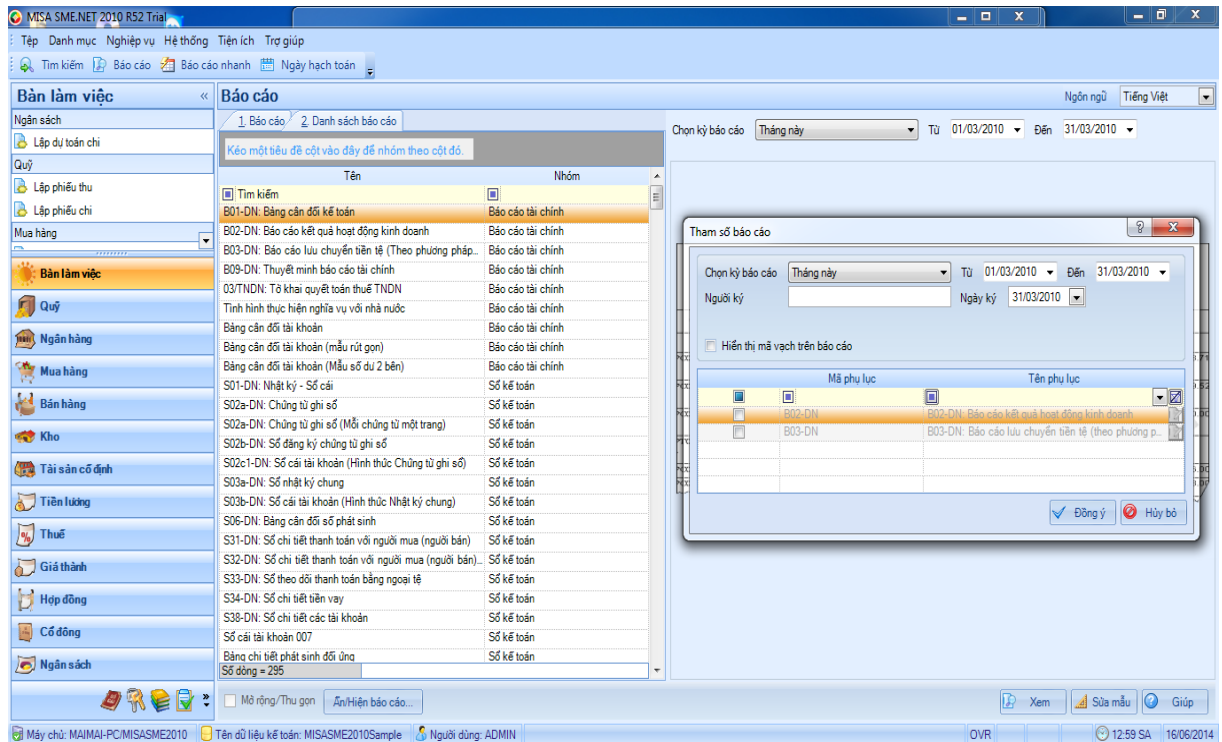
Hoà nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiến bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, Công ty nên áp dụng kế toán máy. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu nhập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.
- Hơn nữa việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Chính vì những ưu điểm của việc áp dụng phần mềm kế toán, theo em Công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, bên cạnh đó Công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo linh hoạt phần mềm kế toán mà Công ty áp dụng.

Một số giao diện phần mềm kế toán máy Công ty nên áp dụng như:

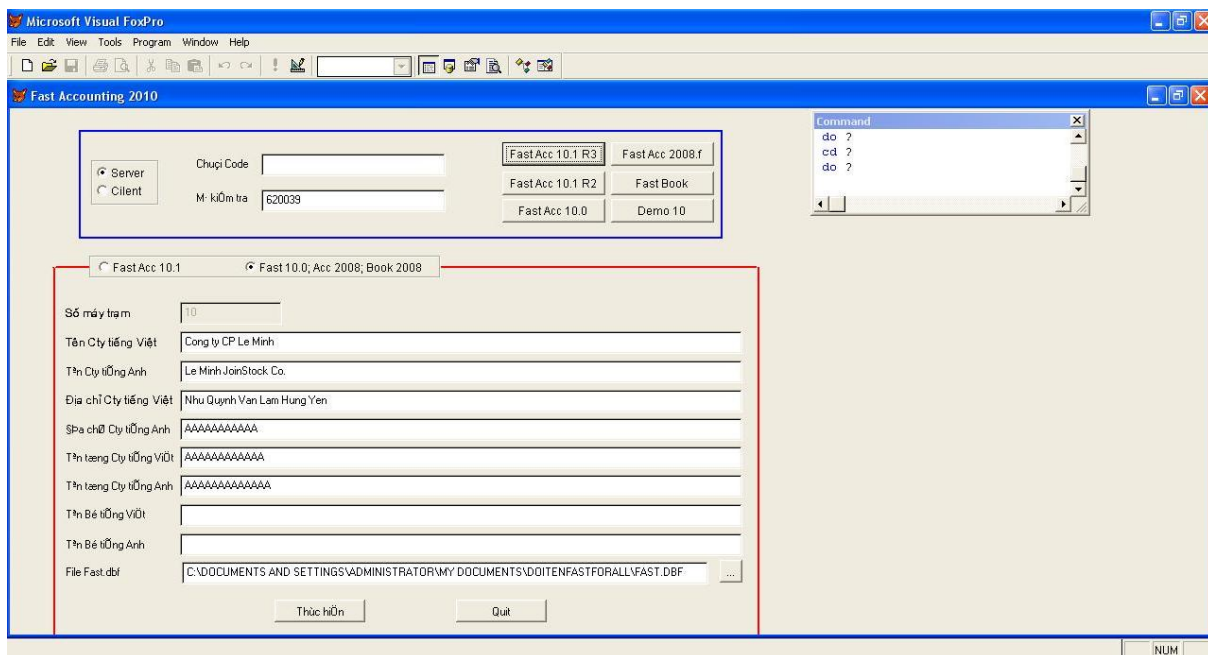
Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010



Phần mềm kế toán LinkQ Accounting



Phần mềm kế toán FAST



Ý kiến thứ năm là kiểm kê nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất và hoàn thiện sản phẩm nhưng không thể không kể tới vai trò của nguyên vật liệu phụ. Chính vì vậy việc kiểm kê nguyên vật liệu phụ cũng quan trọng không kém kiểm kê nguyên vật liệu chính, do đó Công ty nên kiểm kê cả nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ để nắm bắt được thực trạng của nguyên vật liệu trong quá trình quản lý và hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.

Bảng 3.2: Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá sản phẩm

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ SẢN PHẨM

Đơn vị:

Mẫu số 08 - VT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số 15- TC/QĐ/CĐKT
ngày 20/06 /2006 của Bộ trưởng BTC)

- Thời điểm kiểm kê: Ngày 30 tháng 09 năm 2013

- Ban kiểm kê gồm:

Ông/ Bà: Trưởng ban

Ông/ Bà: Ủy viên

Ông/ Bà: Ủy viên

- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

S T T	Tên nhãn hiệu quy cách vật tư, hàng hoá, sản phẩm	Mã Số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng		
					SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SL	TT	SL	TT			
1	Tôn		kg	25.345	435	11.025.108	435	11.025.108	0	0	0		X		
2	Ống nhựa PVC		Mét	5.900	2.170	12.803.000	435	12.803.000	0	0	0		X		
3	Bìa cứng		Mét	8.686	150	1.302.900	150	1.302.900	0	0	0		X		
4	Keo dính		Tuýp	14.585	20	291.700	20	291.700	0	0	0		X		
	Tổng cộng														

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám Đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng tài chính - kế toán)

KẾT LUẬN

Xuất phát từ thực tiễn của Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam, việc tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cho thấy ý nghĩa to lớn, vai trò đặc biệt của công tác hạch toán nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như trong các doanh nghiệp sản xuất khác hiện nay.

Nguyên vật liệu là một trong 3 yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh; chi phí NVL có tác động lớn đến chi phí sản xuất, giá vốn hàng bán và lợi nhuận của Doanh nghiệp. Chính vì vậy việc tổ chức tốt công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho Công ty như: chống thất thoát lãng phí, đảm bảo cung ứng và dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, nâng cao chất lượng sản phẩm ...

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam em nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề này, cùng với những kiến thức đã tích lũy tạo cho em một cơ hội tốt để em thực hiện đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam”

Tuy nhiên do thời gian có hạn và kinh nghiệm còn hạn chế nên đề tài của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô và các bạn. Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới cô Vũ Thị Kim Lan cùng các anh chị trong Công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chuẩn mực kế toán quốc tế.
2. PGS.TS Đặng Thị Loan (2009), “Giáo trình Kế toán tài chính DN” NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
3. PGS.TS Nguyễn Văn Công (2006), “Lý thuyết và thực hành Kế toán tài chính” NXB ĐH Kinh tế QĐ.
4. Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.
5. Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" - NXB Thống kê.
6. Hệ thống kế toán doanh nghiệp
7. Hệ thống tài liệu kế toán của công ty TNHH S.P.B Engineering Việt Nam.
8. Tạp chí kế toán
9. WWW.mof.gov.vn